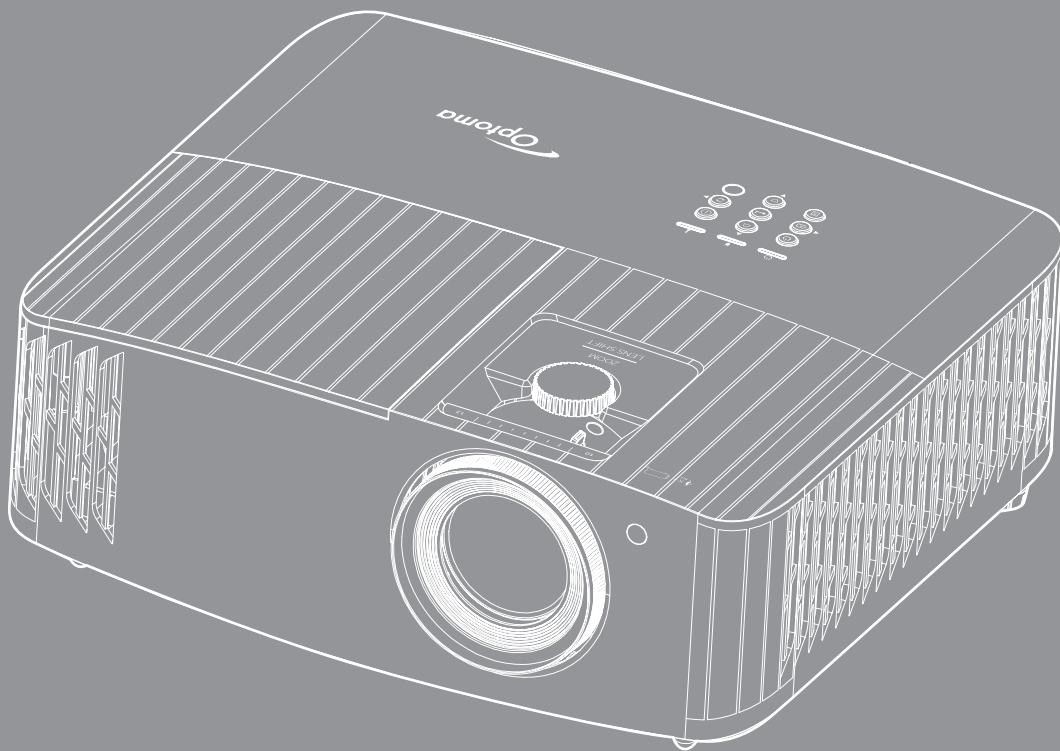


Máy chiếu DLP®



MỤC LỤC

AN TOÀN	4
<i>Hướng dẫn an toàn quan trọng</i>	<i>4</i>
<i>Lau ống kính.....</i>	<i>5</i>
<i>Thông tin an toàn 3D.....</i>	<i>6</i>
<i>Bản quyền</i>	<i>6</i>
<i>Khước từ trách nhiệm.....</i>	<i>7</i>
<i>Nhận biết thương hiệu.....</i>	<i>7</i>
<i>FCC.....</i>	<i>7</i>
<i>Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.....</i>	<i>8</i>
<i>WEEE.....</i>	<i>8</i>
GIỚI THIỆU.....	9
<i>Tổng quan về gói sản phẩm.....</i>	<i>9</i>
<i>Phụ kiện chuẩn.....</i>	<i>9</i>
<i>Phụ kiện tùy chọn.....</i>	<i>9</i>
<i>Tổng quan về Sản phẩm</i>	<i>10</i>
<i>Kết nối</i>	<i>11</i>
<i>Bàn phím.....</i>	<i>12</i>
<i>Điều khiển từ xa</i>	<i>13</i>
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT	14
<i>Lắp đặt máy chiếu.....</i>	<i>14</i>
<i>Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu.....</i>	<i>15</i>
<i>Điều chỉnh Hình ảnh chiếu</i>	<i>16</i>
<i>Thiết lập điều khiển từ xa</i>	<i>17</i>
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU	19
<i>Bật/tắt nguồn máy chiếu.....</i>	<i>19</i>
<i>Chọn nguồn vào.....</i>	<i>22</i>
<i>Tổng quan về màn hình chính.....</i>	<i>23</i>
<i>Ngày giờ hệ thống.....</i>	<i>23</i>
<i>Menu cài đặt máy chiếu (OSD)</i>	<i>24</i>
<i>Sơ đồ menu OSD</i>	<i>25</i>
<i>Menu hiển thị.....</i>	<i>31</i>
<i>Menu Âm thanh.....</i>	<i>37</i>
<i>Menu thiết lập.....</i>	<i>38</i>
<i>Menu Thông tin.....</i>	<i>41</i>
<i>Menu cài đặt hệ thống.....</i>	<i>42</i>
<i>Chọn nguồn vào.....</i>	<i>49</i>
<i>Chọn ứng dụng.....</i>	<i>50</i>
<i>Các định dạng đa phương tiện hỗ trợ.....</i>	<i>54</i>
<i>Xem thanh trạng thái.....</i>	<i>58</i>
<i>Trợ lý Alexa / Google</i>	<i>58</i>

BẢO DƯỠNG 59

Thay đèn (Chỉ dành cho nhân viên bảo trì) 59

THÔNG TIN BỔ SUNG 61

Độ phân giải tương thích 61

Cỡ hình và khoảng cách chiếu 67

Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần 68

Mã điều khiển từ xa hồng ngoại 69



Khắc phục sự cố 70

Chỉ báo cảnh báo 71

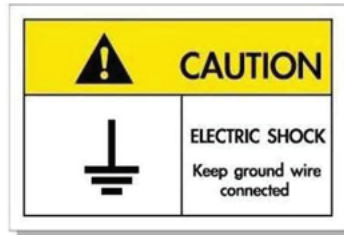
Thông số kỹ thuật 74

Văn phòng toàn cầu của Optoma 75

AN TOÀN

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về "điện thế nguy hiểm" không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người.
	Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.



Để tránh bị điện giật, máy và các thiết bị ngoại vi phải được nối đất đúng cách (đã nối đất).

Hướng dẫn an toàn quan trọng

- Để kéo dài tuổi thọ hiệu quả của đèn, đảm bảo giữ đèn bật trong ít nhất 60 giây và tránh tắt máy cưỡng bức.



- Không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng, RG 2. Giống như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng trực tiếp, RG2 IEC 62471-5:2015.
- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, lò sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:
 - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
 - (i) Đảm bảo nhiệt độ xung quanh phòng là 5°C ~ 40°C
 - (ii) Độ ẩm tương đối là 10% ~ 85%
 - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
 - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
 - Dưới ánh nắng trực tiếp.
- Không dùng máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện các loại khí dễ cháy nổ trong môi trường. Đèn bên trong máy chiếu trở nên rất nóng khi đang sử dụng và khí ga có thể bốc cháy và gây ra hỏa hoạn.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
 - Thiết bị đã bị rơi.
 - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.

- Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
 - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
 - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.
 - Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể rơi và gây chấn thương cho mọi người hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.
 - Đừng che kín ánh sáng thoát ra từ ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng có thể làm nóng chảy vật dụng, gây bỏng hoặc phát hỏa.
 - Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.
 - Không cố tự bảo dưỡng thiết bị. Mở hoặc tháo vỏ có thể làm bạn bị điện giật hoặc gặp rủi ro khác. Vui lòng liên hệ với Optoma trước khi bạn gửi thiết bị để sửa chữa.
 - Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
 - Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng phù hợp.
 - Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.
 - Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi sử dụng. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn thương.
 - Hãy để thiết bị nguội trước khi thay đèn. Thực hiện theo các hướng dẫn như mô tả ở trang 59-60.
 - Máy chiếu này sẽ tự phát hiện tuổi thọ của bóng đèn. Vui lòng đảm bảo thay bóng đèn khi nó hiển thị các thông báo cảnh báo.
 - Cài lại chức năng "Lamp Reset (Thiết lập lại đèn)" từ menu hiển thị trên màn hình "Lamp Settings (Các chế độ của bóng đèn)" sau khi thay cụm đèn.
 - Khi tắt máy chiếu, vui lòng đảm bảo hoàn tất chu kỳ làm mát trước khi ngắt điện. Chờ 90 giây để máy chiếu nguội.
 - Khi đèn đạt đến mức hết hạn sử dụng, thông báo "Lamp life exceeded. (Vượt quá tuổi thọ đèn.)" sẽ hiển thị trên màn hình. Vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng hoặc trung tâm bảo hành trong nước để được thay đèn càng sớm càng tốt.
 - Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
 - Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Sử dụng các chất tẩy rửa ăn mòn, chất sáp hoặc dung môi để vệ sinh thiết bị.
 - Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
- Lưu ý:** Khi bóng đèn hết tuổi thọ sử dụng, máy chiếu sẽ không bật được cho đến khi cụm đèn được thay. Để thay đèn mới, hãy thực hiện theo quy trình trong phần "Thay đèn mới" ở trang 59-60.
- Không lắp đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung động hoặc va đập.
 - Không chạm vào ống kính bằng tay trần.
 - Tháo (các) cục pin ra khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu (các) cục pin vẫn để lại trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể rò rỉ.
 - Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện khói từ dầu hoặc thuốc lá, vì khói có thể ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng hoạt động của máy chiếu.
 - Hãy tuân thủ cách lắp đặt hướng máy chiếu thích hợp vì lắp đặt không quy chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.
 - Sử dụng bộ ổ cắm điện và/hoặc bộ chống sốc điện. Vì sự cố cúp điện và nguồn yếu có thể LÀM HỎNG các thiết bị.

Lau ống kính

- Trước khi vệ sinh ống kính, đảm bảo tắt máy chiếu và rút dây nguồn ra để nó nguội hoàn toàn.
- Sử dụng bình khí nén để loại bỏ bụi bẩn.
- Sử dụng loại khăn đặc biệt để lau ống kính nhẹ nhàng. Không chạm tay vào ống kính.
- Không sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm/axit hoặc dung môi dễ bay hơi như cồn để lau ống kính. Nếu ống kính bị hỏng do quá trình lau chùi, nó không được bảo hành.



Cảnh báo: Không dùng bình xịt chứa khí dễ cháy để loại bỏ bụi bẩn khỏi ống kính. Điều này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt quá cao bên trong máy chiếu.



Cảnh báo: Không vệ sinh ống kính nếu máy chiếu nóng lên vì điều này có thể khiến lớp bề mặt ống kính bị bong ra.



Cảnh báo: Không lau hoặc chạm vào ống kính bằng vật cứng.

Thông tin an toàn 3D

Hãy tuân thủ mọi cảnh báo và cách phòng ngừa như khuyến nghị trước khi bạn hoặc con mình sử dụng chức năng 3D.

Cảnh báo

Trẻ em và thanh thiếu niên có thể dễ gặp các vấn đề sức khỏe liên quan đến việc xem 3D hơn và cần được giám sát chặt khi xem các hình ảnh này.

Cảnh báo về Co giật Do Nhạy cảm với Ánh sáng và Các Nguy cơ Sức khỏe Khác

- Một số người xem có thể bị co giật động kinh hay đột quỵ khi tiếp xúc với một số hình ảnh hay ánh sáng nhấp nháy có trong một số hình ảnh từ Máy chiếu hoặc trò chơi điện tử. Nếu bạn bị như vậy hoặc có tiền sử gia đình về động kinh hay đột quỵ, vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia y tế trước khi sử dụng chức năng 3D.
- Thậm chí những người không có tiền sử cá nhân hay gia đình về động kinh hoặc đột quỵ cũng có thể có tình trạng chưa được chẩn đoán có thể gây ra co giật động kinh do nhạy cảm với ánh sáng.
- Phụ nữ có thai, người già, người mắc các bệnh trạng nghiêm trọng, người ngủ do hoặc chịu ảnh hưởng của rượu cần tránh sử dụng chức năng 3D của thiết bị.
- Nếu quý vị có bất kỳ triệu chứng nào sau đây, hãy ngừng xem ảnh 3D ngay lập tức và tham khảo ý kiến chuyên gia y tế: (1) thay đổi thị lực; (2) váng đầu; (3) chóng mặt; (4) cử động không chủ ý như mắt hoặc cơ bị giật; (5) lẫn lộn; (6) buồn nôn; (7) mất nhận thức; (8) co giật; (9) chuột rút; và/ hoặc (10) mất phương hướng. Trẻ em và thanh thiếu niên có nhiều khả năng bị những triệu chứng này hơn người lớn. Cha mẹ cần theo dõi con em mình và hỏi trẻ có bị những triệu chứng này không.
- Việc xem hình chiếu 3D cũng có thể gây ra tình trạng bệnh do chuyển động, tác động cảm giác sau đó, mất phương hướng, căng mắt và giảm ổn định về tư thế. Người dùng cần thường xuyên nghỉ giải lao để giảm khả năng xảy ra các tác động này. Nếu mắt bạn có dấu hiệu mệt mỏi hoặc kho, hay nếu bạn có bất kỳ triệu chứng nào nêu trên, hãy dừng sử dụng thiết bị này ngay lập tức và không dùng lại trong ít nhất ba mươi phút sau khi các triệu chứng đã giảm bớt.
- Việc xem hình chiếu 3D khi ngồi quá gần với màn hình trong thời gian kéo dài có thể làm hỏng thị lực của bạn. Khoảng cách xem lý tưởng tối thiểu bằng ba lần chiều cao màn hình. Tầm mắt của người xem cần ngang bằng với màn hình.
- Việc xem hình chiếu 3D trong khi đeo kính 3D trong thời gian kéo dài có thể gây đau đầu hay mệt mỏi. Nếu bạn bị đau đầu, mệt mỏi hoặc chóng mặt, hãy dừng xem hình chiếu 3D và nghỉ ngơi.
- Không sử dụng kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc xem hình chiếu 3D.
- Việc đeo kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác (như kính mắt nói chung, kính râm, kính bảo hộ, v.v.) có thể có hại cho thể chất của bạn và làm yếu thị lực.
- Việc xem hình chiếu 3D có thể gây mất phương hướng cho một số người xem. Do đó, KHÔNG ĐỂ MÁY CHIẾU 3D gần khu vực cầu thang mở, dây cáp, ban công hay các vật thể khác có thể bị vấp phải, mắc vào, húc ngã, vỡ hay rơi.

Bản quyền

Ấn bản này, kể cả mọi hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo các luật bản quyền quốc tế với mọi bản quyền được bảo lưu. Cấm tái bản số tay này cũng như bất cứ phần nào chứa bên trong mà không có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2021

Khước từ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này có thể chịu sự thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không đưa ra bất cứ tuyên bố hoặc chính sách bảo hành nào đối với các nội dung liên quan và đặc biệt khước từ mọi chính sách bảo hành gián tiếp về tính thương mại hay khả năng tương thích của sản phẩm cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất có quyền sửa đổi ấn bản này và thỉnh thoảng thay đổi nội dung liên quan mà không có trách nhiệm thông báo cho bất cứ cá nhân nào về những chỉnh sửa hay thay đổi đó.

Nhận biết thương hiệu

Kensington là thương hiệu đã đăng ký tại Mỹ của ACCO Brand Corporation với các số đăng ký đã được cấp và các ứng dụng đang chờ cấp bằng sáng chế ở những nước khác trên toàn thế giới.

HDMI, Biểu tượng HDMI và High-Definition Multimedia Interface (Giao diện đa phương tiện độ nét cao) là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC ở Mỹ và các nước khác.

DLP®, DLP Link và biểu tượng DLP là các thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments, và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.

MHL, Biểu tượng Mobile High-Definition Link và MHL là thương hiệu của MHL Licensing, LLC.

Tất cả các tên sản phẩm khác sử dụng trong sổ hướng dẫn này là tài sản của các công ty sở hữu riêng và đã được công nhận.

FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiểu theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây ra nhiễu sóng có hại đối với việc tiếp nhận radio hoặc truyền hình, có thể xác định điều này bằng cách bật và tắt thiết bị, người dùng nên cố khắc phục nhiễu sóng bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Thông báo: Cáp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

Chú ý

Các thay đổi hoặc chỉnh sửa không được thông qua trực tiếp bởi nhà sản xuất có thể khiến cho người dùng mất quyền sử dụng máy chiếu này vốn được cấp phép bởi Ủy ban Truyền thông Liên bang.

Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

Thông báo: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EC (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EC về điện thế thấp
- RED 2014/53/EU (nếu sản phẩm có chức năng RF)

WEEE



Hướng dẫn thải bỏ

Không vứt thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.

GIỚI THIỆU

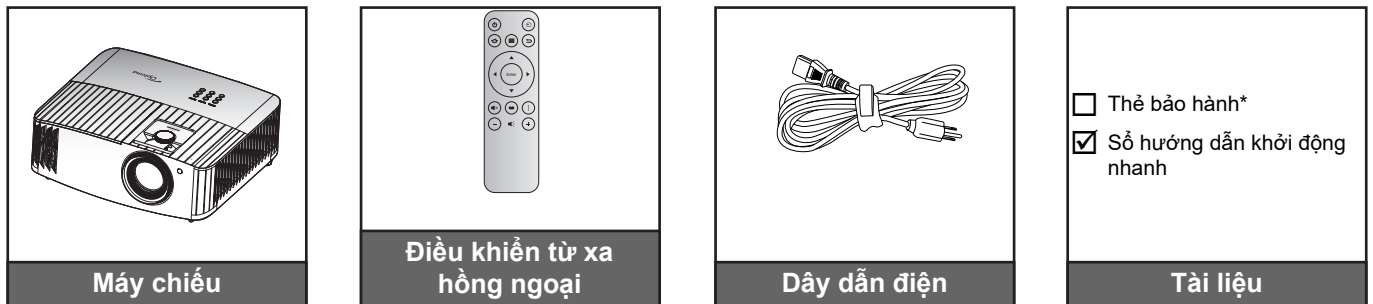
Cảm ơn bạn đã mua máy chiếu Optoma 4K UHD. Để biết danh sách tính năng đầy đủ, vui lòng ghé thăm trang sản phẩm trên trang web của chúng tôi. Tại đây bạn sẽ được nhận thêm nhiều thông tin và tài liệu hơn, ví dụ như về cài đặt điều khiển hay các câu hỏi thường gặp.

Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở hộp đựng và xác nhận là bạn đã nhận các mặt hàng như liệt kê dưới đây thuộc phụ kiện chuẩn. Một số mặt hàng thuộc phụ kiện chuẩn có thể không có sẵn tùy theo mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Hãy kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau tùy theo khu vực.

Thẻ bảo hành chỉ được kèm theo ở một số khu vực cụ thể. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng để có thông tin chi tiết.

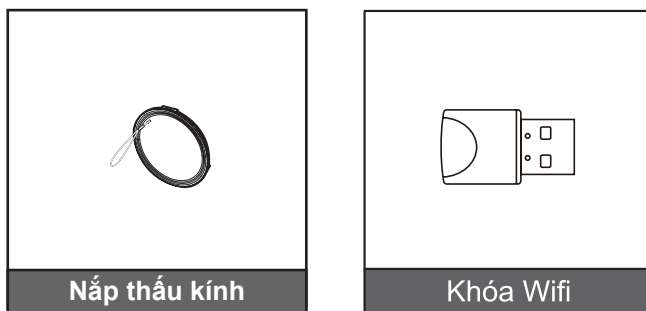
Phụ kiện chuẩn



Lưu ý:

- Điều khiển từ xa thực tế có thể khác nhau tùy theo từng khu vực.
- Điều khiển từ xa được gửi kèm pin.
- * Để biết thông tin bảo hành, vui lòng tham khảo <https://www.optoma.com/support/download>.

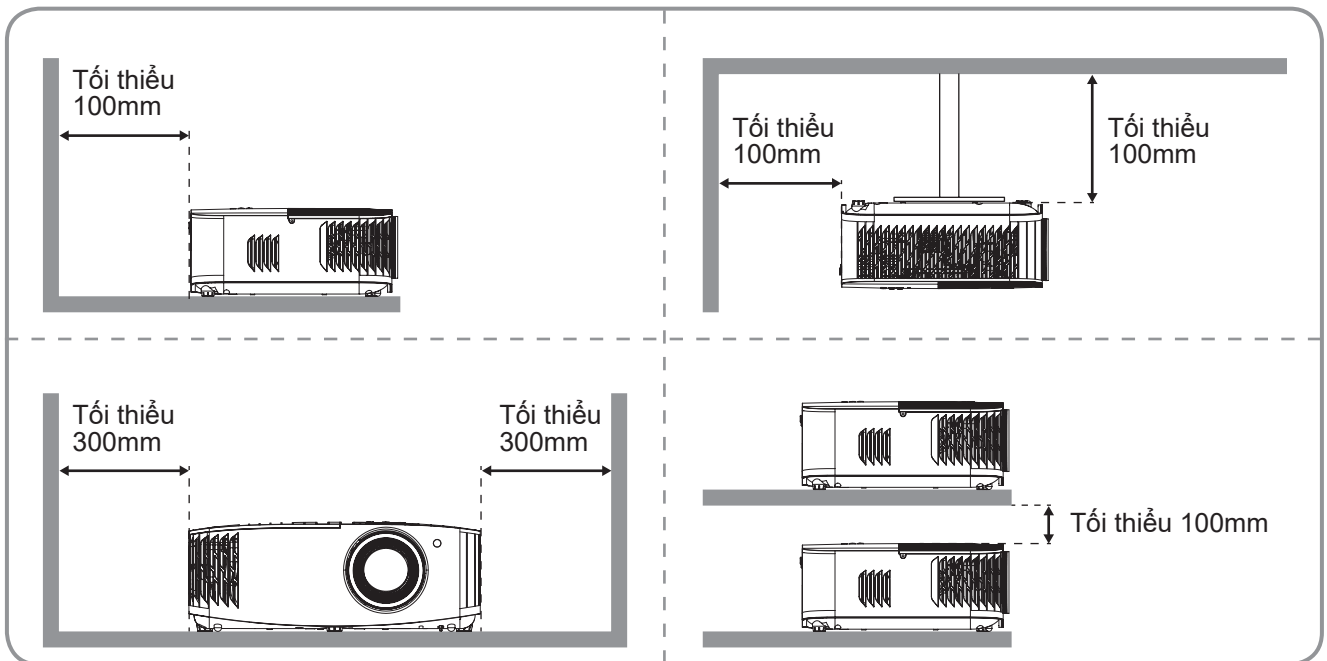
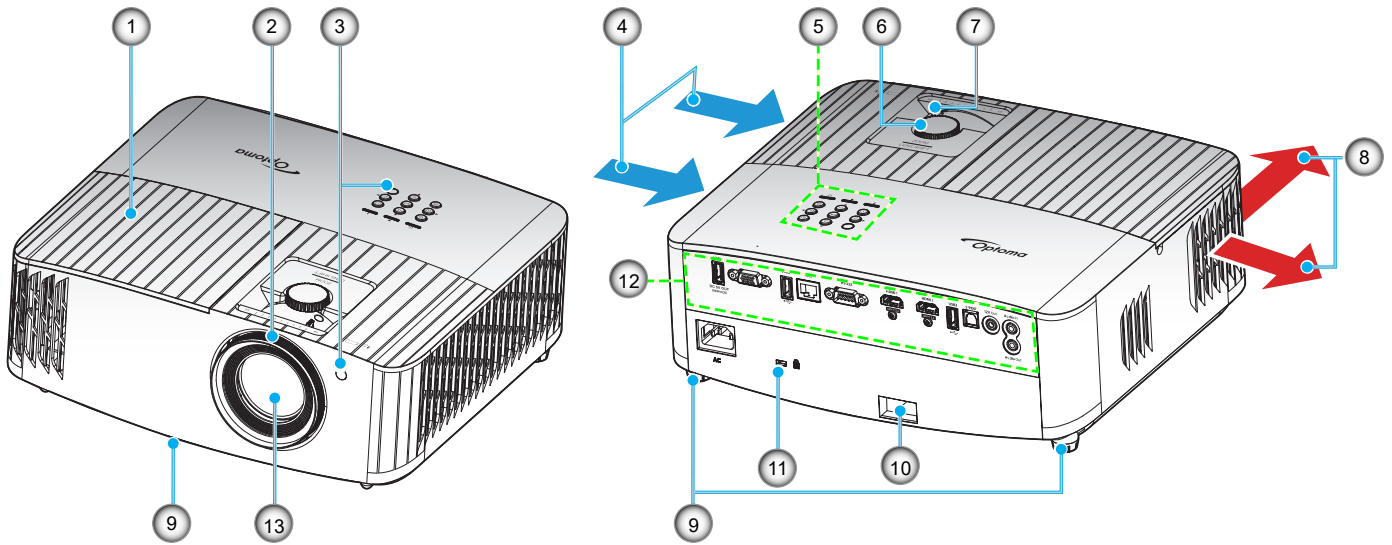
Phụ kiện tùy chọn



Lưu ý: Các phụ kiện khác nhau tùy thuộc vào mẫu, thông số kỹ thuật và khu vực. Có thể mua một số phụ kiện tùy chọn tại các khu vực đã chọn. Vui lòng truy cập trang web của chúng tôi để xem thêm thông tin chi tiết về những phụ kiện đi kèm.

GIỚI THIỆU

Tổng quan về Sản phẩm



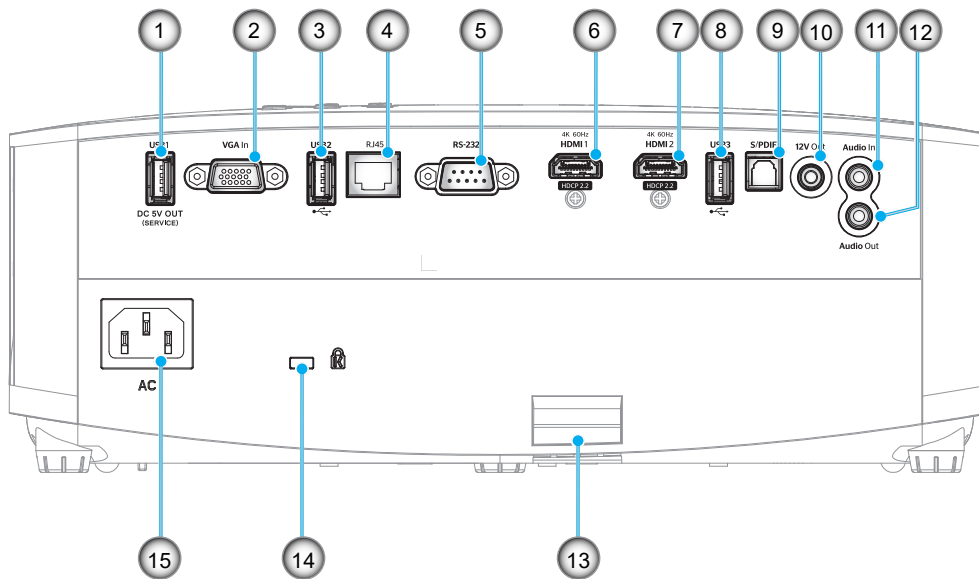
Lưu ý:

- Không chặn bít đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian kín, hãy chừa khoảng cách ít nhất 30 cm quanh đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.

STT	Mục	STT	Mục
1.	Nắp đèn	8.	Thông khí (cửa thoát)
2.	Vòng chỉnh tiêu điểm	9.	Chân chỉnh độ nghiêng
3.	Bộ thu hồng ngoại (phía trước và trên)	10.	Thanh Bảo vệ
4.	Thông khí (cửa nạp)	11.	Cổng khóa Kensington™
5.	Bàn phím	12.	Đầu vào/Đầu ra
6.	Nút chỉnh ống kính	13.	Ống kính
7.	Vòng chỉnh thu phóng		

GIỚI THIỆU

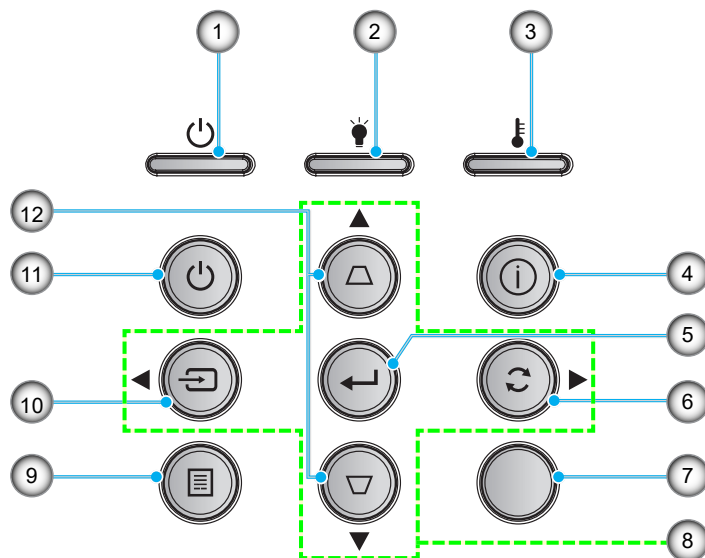
Kết nối



STT	Mục	STT	Mục
1.	Đầu ra nguồn USB (5V=1,5A)	9.	Kết nối S/PDIF (Chỉ hỗ trợ PCM 2 kênh)
2.	Đầu vào VGA	10.	Đầu cắm ra 12V
3.	Cổng USB (Bộ thu phát WiFi/Trình phát đa phương tiện)	11.	Đầu vào âm thanh
4.	Đầu cắm RJ-45	12.	Đầu ra âm thanh
5.	Đầu cắm RS-232	13.	Thanh Bảo vệ
6.	Đầu cắm HDMI 1 (4K 60Hz; dùng để chơi game với độ trễ thấp)	14.	Cổng khóa Kensington™
7.	Đầu cắm HDMI 2 (4K 60Hz; cho PureMotion)	15.	Ổ cắm điện
8.	Cổng USB (Bộ thu phát WiFi/Trình phát đa phương tiện)		

GIỚI THIỆU

Bàn phím

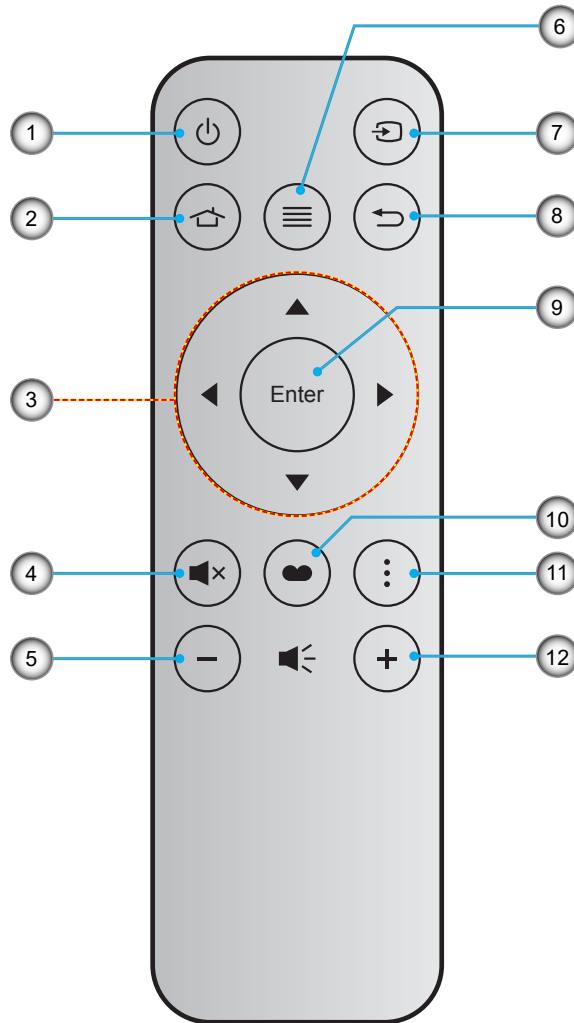


STT	Mục	STT	Mục
1.	Đèn LED Bật/Chờ	7.	Bộ thu hồng ngoại
2.	Đèn LED bóng đèn	8.	Bốn phím chọn điều hướng
3.	Đèn LED nhiệt độ	9.	Menu
4.	Thông tin	10.	Nguồn
5.	Nhập	11.	Nguồn
6.	Tái Đồng Bộ	12.	Hiệu chỉnh độ méo

Lưu ý: Bàn phím số không dùng để điều khiển màn hình chính. Vui Lòng sử dụng điều khiển từ xa để điều hướng.

GIỚI THIỆU

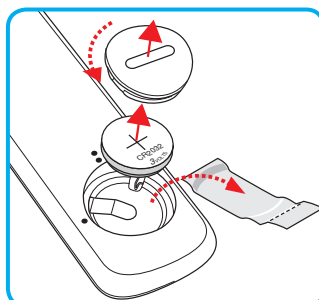
Điều khiển từ xa



STT	Mục	STT	Mục
1.	Bật/Tắt nguồn	7.	Nguồn
2.	Màn hình chính	8.	Quay lại
3.	Bốn phím chọn điều hướng	9.	Nhập
4.	Tắt tiếng	10.	Chế độ hiển thị
5.	Âm lượng -	11.	Lựa chọn
6.	Menu	12.	Âm lượng +

Lưu ý:

- Một số phím có thể không có chức năng cho những mẫu máy không hỗ trợ các tính năng này.
- Trước khi sử dụng điều khiển từ xa lần đầu, hãy tháo băng dán cách điện trong suốt. Xem trang 17 để biết cách lắp đặt pin.

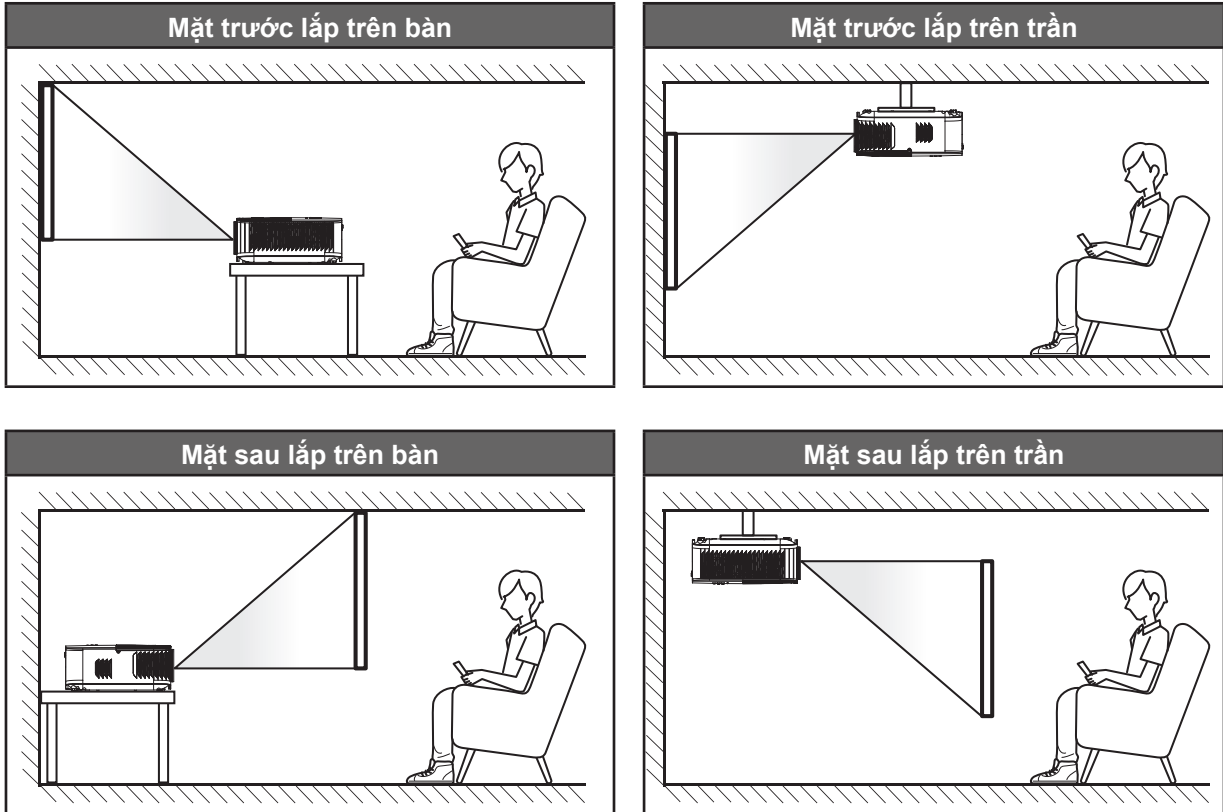


THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lắp đặt máy chiếu

Máy chiếu của bạn được thiết kế để lắp đặt tại một trong bốn vị trí khả dụng.

Cách bố trí phòng hoặc sở thích riêng sẽ quyết định địa điểm nào bạn cần chọn. Xem xét đến kích thước và vị trí màn hình, vị trí ổ cắm điện thích hợp, cũng như địa điểm và khoảng cách giữa máy chiếu và các trang thiết bị còn lại.



Phải đặt máy chiếu bằng phẳng trên bề mặt với một góc 90 độ và vuông góc với màn hình.

- Để biết cách xác định địa điểm lắp máy chiếu theo kích thước màn hình có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở trang 67.
- Để biết cách xác định kích thước màn hình theo khoảng cách có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở trang 67.

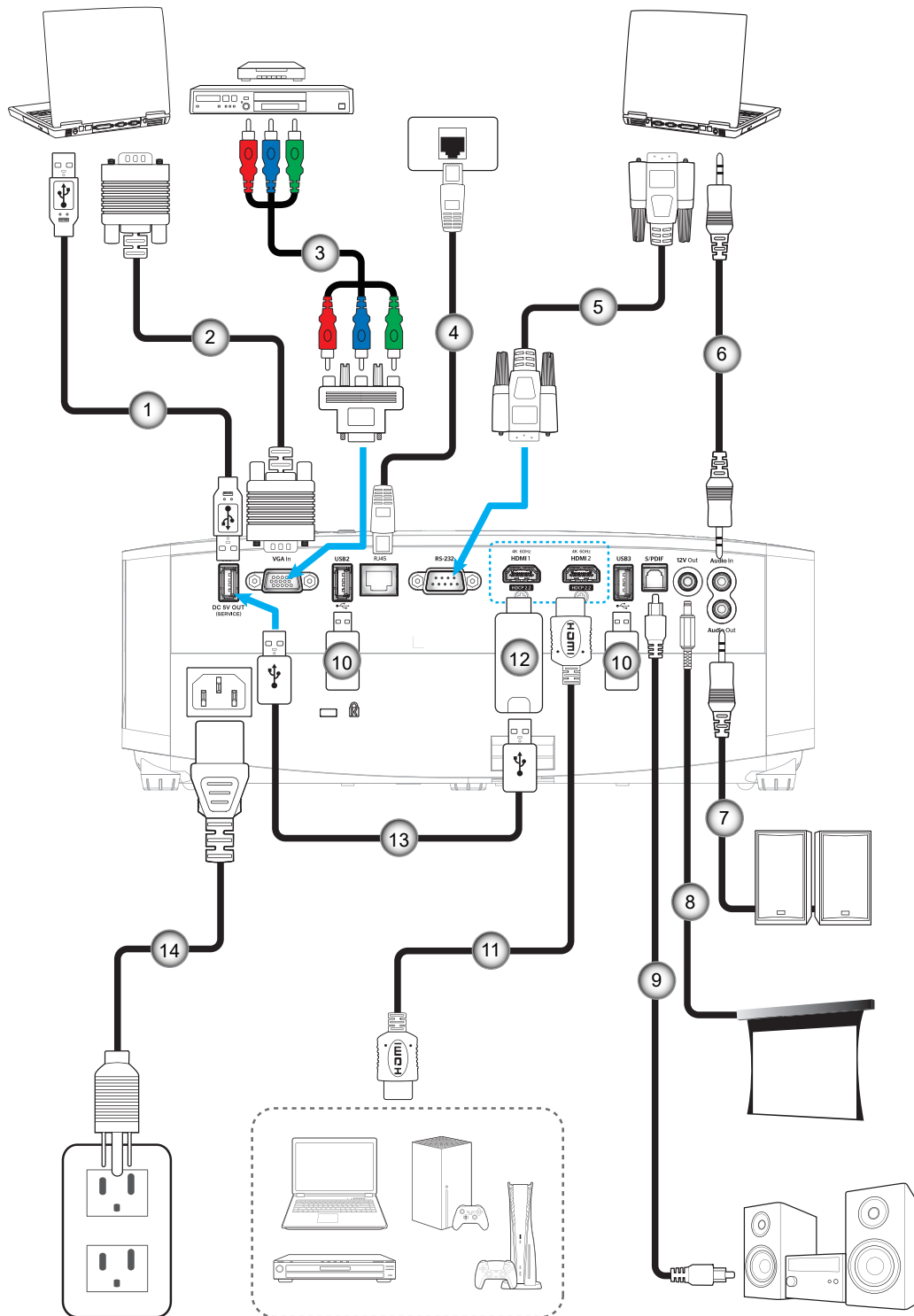
Lưu ý: Máy chiếu đặt càng xa màn hình thì kích thước hình chiếu càng tăng và độ bù chiều dọc cũng tăng theo tỷ lệ.

QUAN TRỌNG!

Không sử dụng máy chiếu theo bất kỳ hướng nào khác với hướng mặt bàn hoặc giá treo trần. Nên đặt máy chiếu nằm ngang và không được đặt nghiêng về phía trước/sau hoặc sang trái/phải. Đặt theo bất kỳ hướng nào khác sẽ vô hiệu hóa dịch vụ bảo hành và có thể làm giảm tuổi thọ đèn máy chiếu hoặc chính máy chiếu. Để được tư vấn cách lắp đặt không quy chuẩn, xin liên hệ với Optoma.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu



STT	Mục
1.	Cáp USB
2.	Cáp đầu vào VGA
3.	Cáp RCA Component
4.	Cáp RJ-45
5.	Cáp RS-232

STT	Mục
6.	Cáp đầu vào âm thanh
7.	Cáp đầu ra âm thanh
8.	Giắc cắm điện DC 12V
9.	Cáp đầu ra S/PDIF
10.	Ổ đĩa USB

STT	Mục
11.	Cáp HDMI
12.	Thiết bị phát tín hiệu HDMI
13.	Cáp nguồn USB
14.	Dây nguồn

Lưu ý: Để đảm bảo chất lượng hình ảnh tốt nhất và tránh các lỗi kết nối, bạn nên sử dụng các loại cáp HDMI Cao Cấp. Với dây cáp dài hơn 20-25 feet, chúng tôi khuyến nghị nên dùng cáp Active Fiber HDMI.

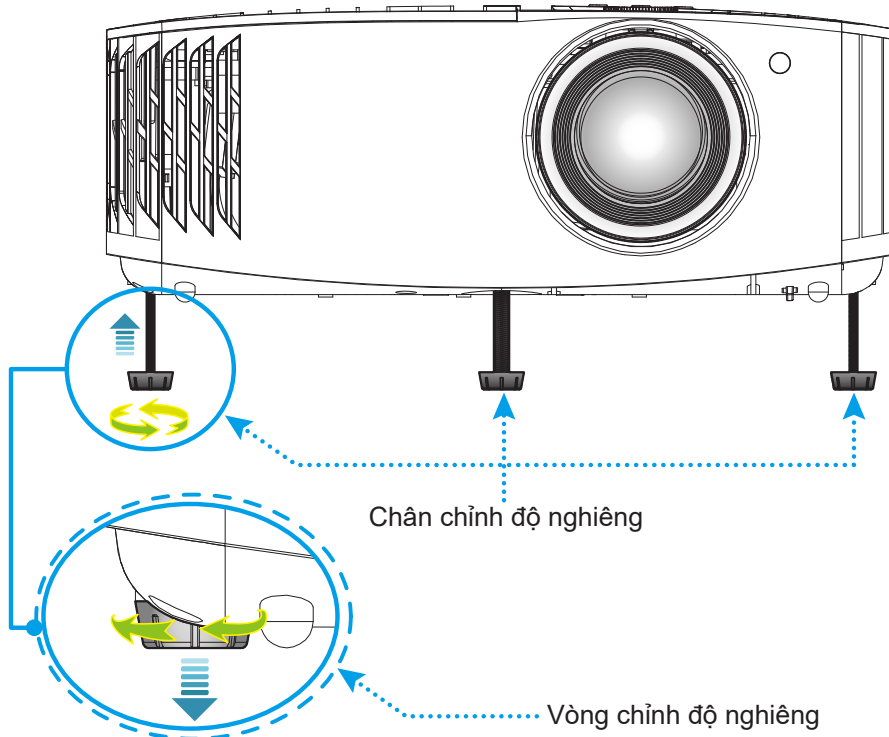
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều chỉnh Hình ảnh chiếu

Chiều cao hình

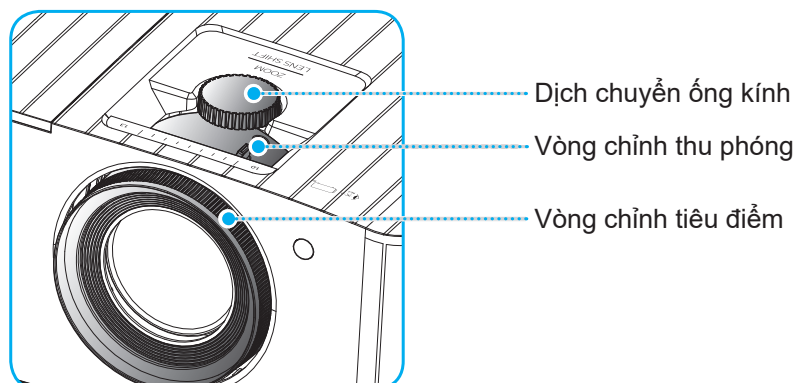
Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Xác định bánh điều chỉnh bạn muốn chỉnh ở mặt dưới máy chiếu.
2. Vận bánh chân để tùy chỉnh theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.



Zoom, chỉnh ống kính và lấy nét

- Để chỉnh kích thước và vị trí hình chiếu, hãy thực hiện theo các bước sau:
 - a. Để chỉnh cỡ hình, xoay vòng chỉnh thu phóng theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để tăng hoặc giảm kích thước hình chiếu.
 - b. Để chỉnh vị trí hình chiếu, xoay nút chỉnh ống kính theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều dọc.
- Để chỉnh lấy nét, xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình chiếu sắc nét và rõ ràng.



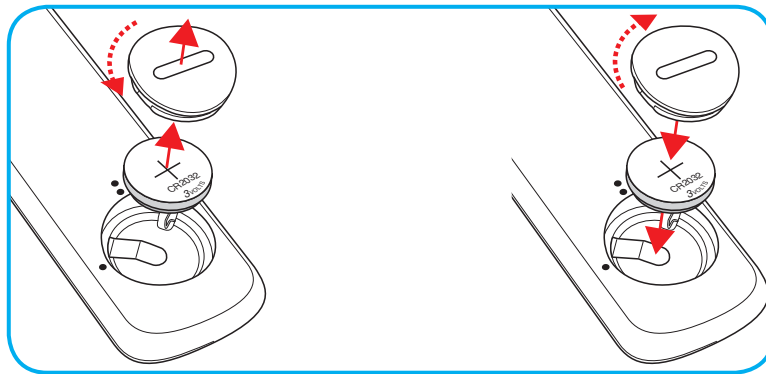
Lưu ý: Máy chiếu sẽ lấy nét ở khoảng cách từ 1,2m - 8,1m.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Thiết lập điều khiển từ xa

Lắp đặt/thay thế pin cho điều khiển từ xa

1. Sử dụng đồng xu để xoay nắp đậy pin ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi nắp đậy mở ra.
2. Lắp pin mới vào khoang chứa.
Tháo pin cũ và lắp pin mới (CR2032). Đảm bảo cạnh có dấu "+" hướng lên trên.
3. Gắn nắp đậy lại. Sau đó, sử dụng đồng xu để xoay nắp đậy pin theo chiều kim đồng hồ để khóa nó vào đúng vị trí.



CHÚ Ý:

Để đảm bảo hoạt động an toàn, hãy tuân thủ các lưu ý phòng ngừa sau:

- Sử dụng pin loại CR2032.
- Tránh tiếp xúc với nước hoặc chất lỏng.
- Không đặt điều khiển từ xa gần môi trường ẩm ướt hoặc nhiệt.
- Không làm rơi điều khiển từ xa.
- Nếu pin đã rò rỉ trong điều khiển từ xa, hãy lau kỹ vỏ và lắp pin mới.
- Nguy cơ bị nổ nếu pin được thay thế bằng loại pin không thích hợp.
- Thải bỏ pin qua sử dụng theo các chỉ dẫn.

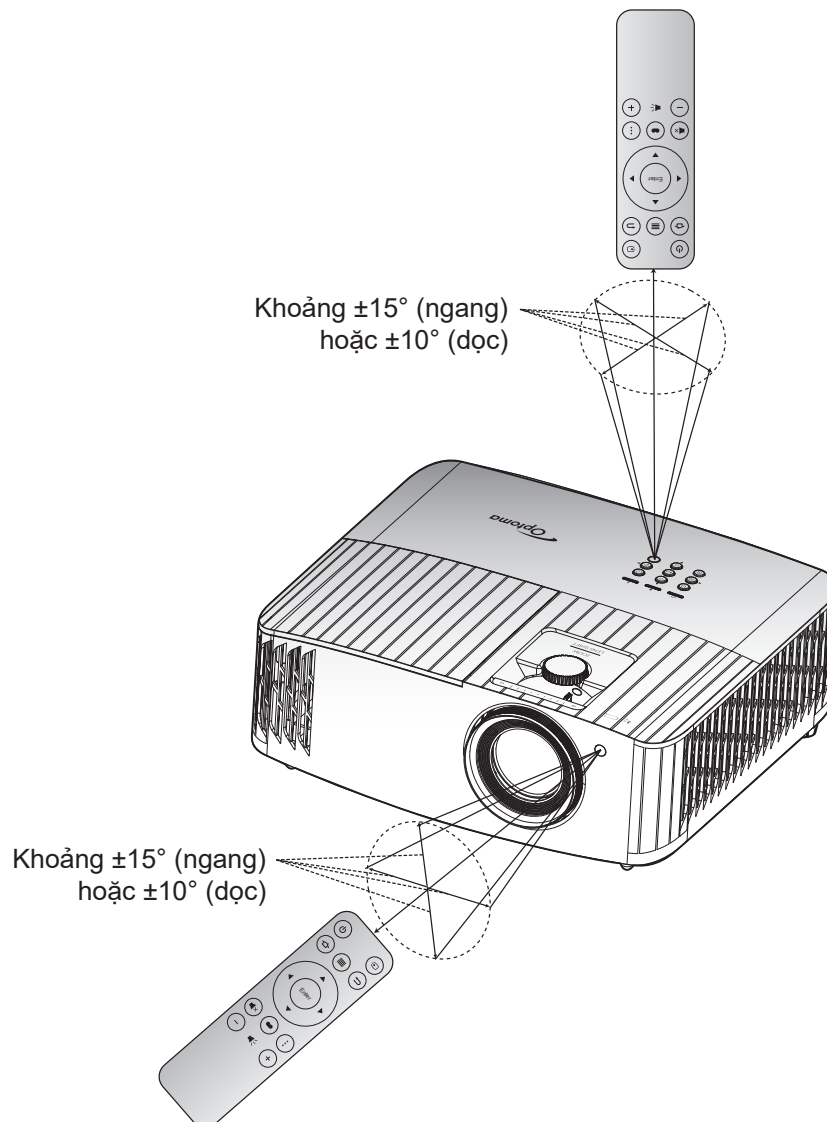
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Phạm vi hoạt động

Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở trên đỉnh máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc 30° (nằm ngang) hoặc 20° (nằm dọc) vuông góc với cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại trên máy chiếu để hoạt động thích hợp. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không được xa hơn 7 mét (khoảng 22 foot).

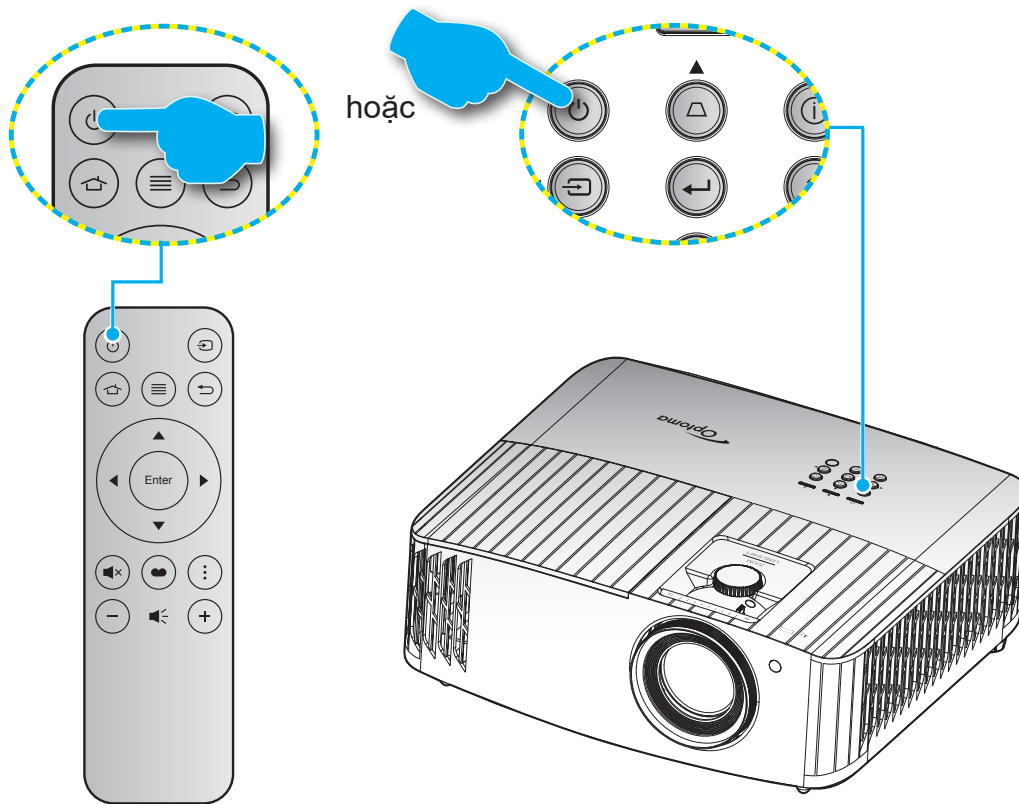
Lưu ý: Khi trỏ điều khiển từ xa trực tiếp (một góc 0 độ) vào cảm biến IR, khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không dài hơn 10 mét (khoảng 32 foot).

- Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu vốn có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo bộ truyền phát IR trên điều khiển từ xa không bị chiếu vào trực tiếp bởi ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang.
- Hãy giữ xa điều khiển từ xa khỏi các đèn huỳnh quang với khoảng cách hơn 2 mét; nếu không, điều khiển từ xa có thể bị hỏng.
- Nếu đặt gần các đèn huỳnh quang Loại Bộ đảo điện, điều khiển từ xa thỉnh thoảng có thể không hoạt động.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu nằm trong khoảng cách rất gần, điều khiển từ xa có thể không hoạt động.
- Khi nhắm vào màn hình, khoảng cách hiệu quả ngắn hơn 7 mét so từ điều khiển từ xa đến màn hình và phản chiếu các tia hồng ngoại trở lại máy chiếu. Tuy nhiên, phạm vi hoạt động có thể thay đổi theo các màn hình.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bật/tắt nguồn máy chiếu



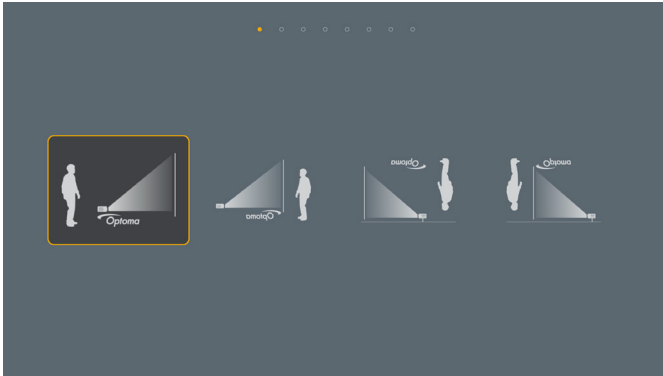
Bật nguồn

1. Cắm chặt dây nguồn và cáp tín hiệu/cáp nguồn. Khi đã kết nối, đèn LED Bật/Chờ sẽ chuyển sang màu đỏ.
2. Bật máy chiếu bằng cách nhấn nút "⏻" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
3. Màn hình khởi động sẽ hiển thị trong khoảng 10 giây và đèn LED Bật/Chờ sẽ nhấp nháy màu xanh lam.

Lưu ý: Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc chọn ngôn ngữ ưu tiên, hướng chiếu và các cài đặt khác.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

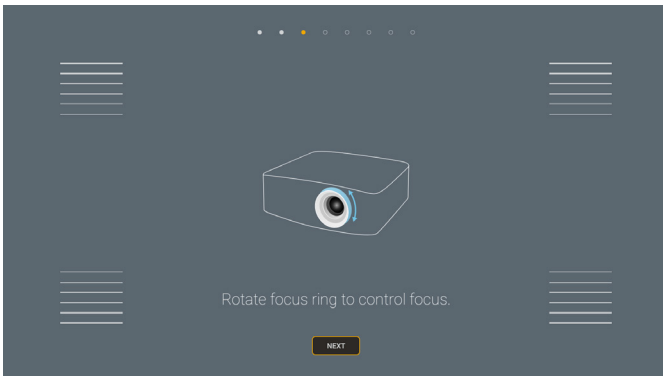
Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc thực hiện thiết lập ban đầu bao gồm việc chọn hướng chiếu, ngôn ngữ ưu tiên, định cấu hình cài đặt mạng và nhiều tùy chọn khác. Một khi màn hình **Setup Complete! (Đã thiết lập xong)** hiển thị, điều này cho biết máy chiếu đã sẵn sàng sử dụng.



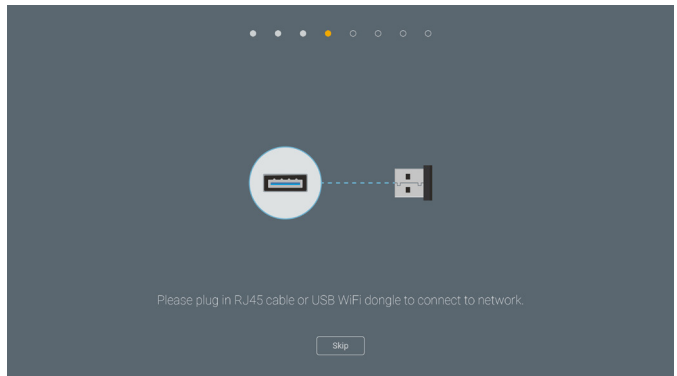
[Màn hình chiếu]



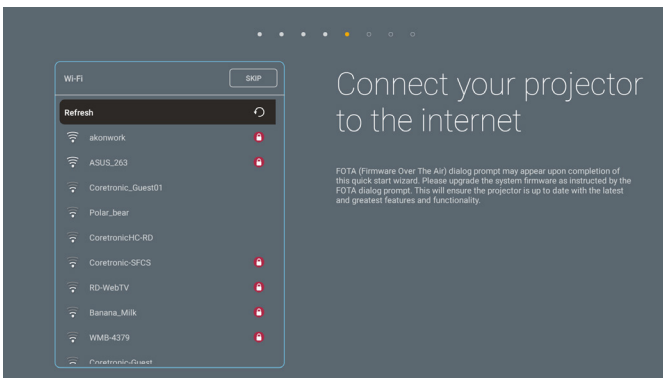
[Màn hình ngôn ngữ]



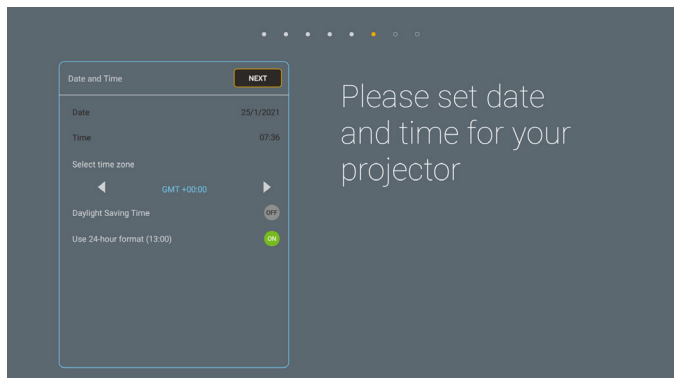
[Màn hình điều chỉnh lấy nét]



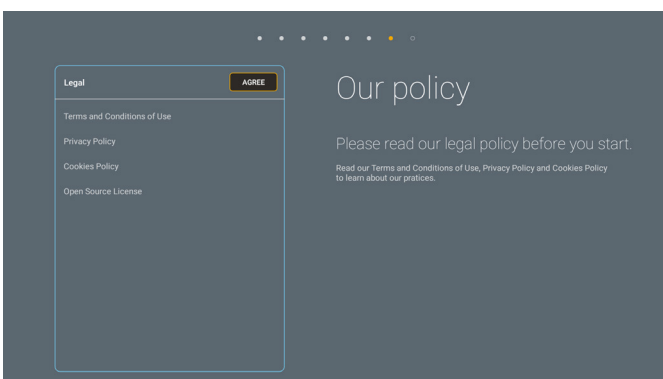
[Màn hình cài đặt bộ thu phát Wi-Fi]



[Màn hình mạng]



[Màn hình ngày giờ]



[Màn hình quy định]

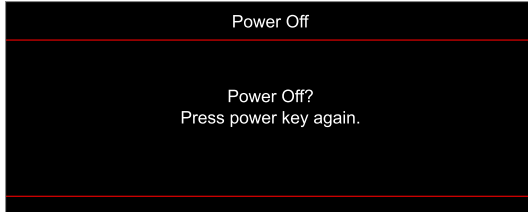


[Màn hình Kết nối Optoma]

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tắt nguồn

1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn nút “⏻” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
2. Thông báo sau đây sẽ hiển thị:




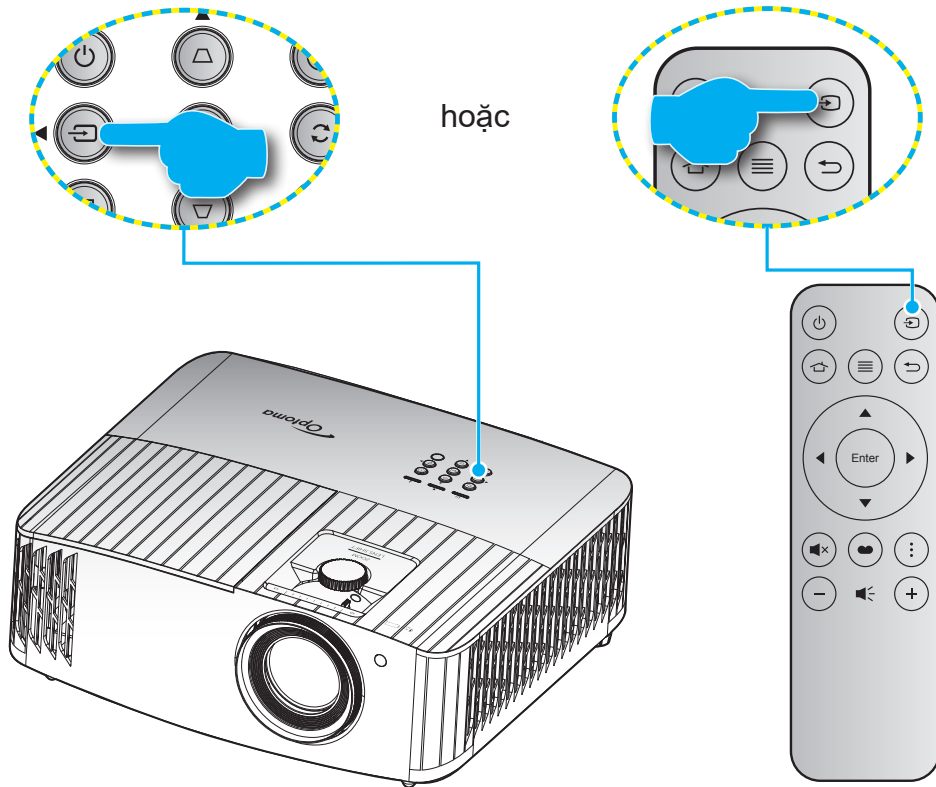
3. Nhấn lại nút “⏻” để xác nhận, nếu không thông báo đó sẽ biến mất sau 15 giây. Khi bạn nhấn nút “⏻” trong một giây, máy chiếu sẽ tắt.
4. Các quạt làm nguội tiếp tục hoạt động trong khoảng 10 giây theo chu trình làm nguội và đèn LED BẬT/Chờ sẽ nhấp nháy màu xanh lam. Khi đèn LED Bật/Chờ sáng một màu đỏ, điều này cho biết máy chiếu đã vào chế độ chờ. Nếu muốn bật máy chiếu trở lại, bạn phải chờ cho đến khi hoàn tất chu trình làm nguội và máy chiếu đã vào chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút “⏻” để bật máy chiếu.
5. Rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

Lưu ý: Bạn không được bật máy chiếu ngay sau quy trình tắt nguồn.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Chọn nguồn vào

Bật nguồn tín hiệu vừa kết nối mà bạn muốn hiển thị trên màn hình, như máy vi tính, máy tính xách tay, đầu xem video, v.v.... Máy chiếu sẽ tự dò tìm nguồn tín hiệu. Nếu có nhiều nguồn tín hiệu được kết nối, nhấn nút “” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn.




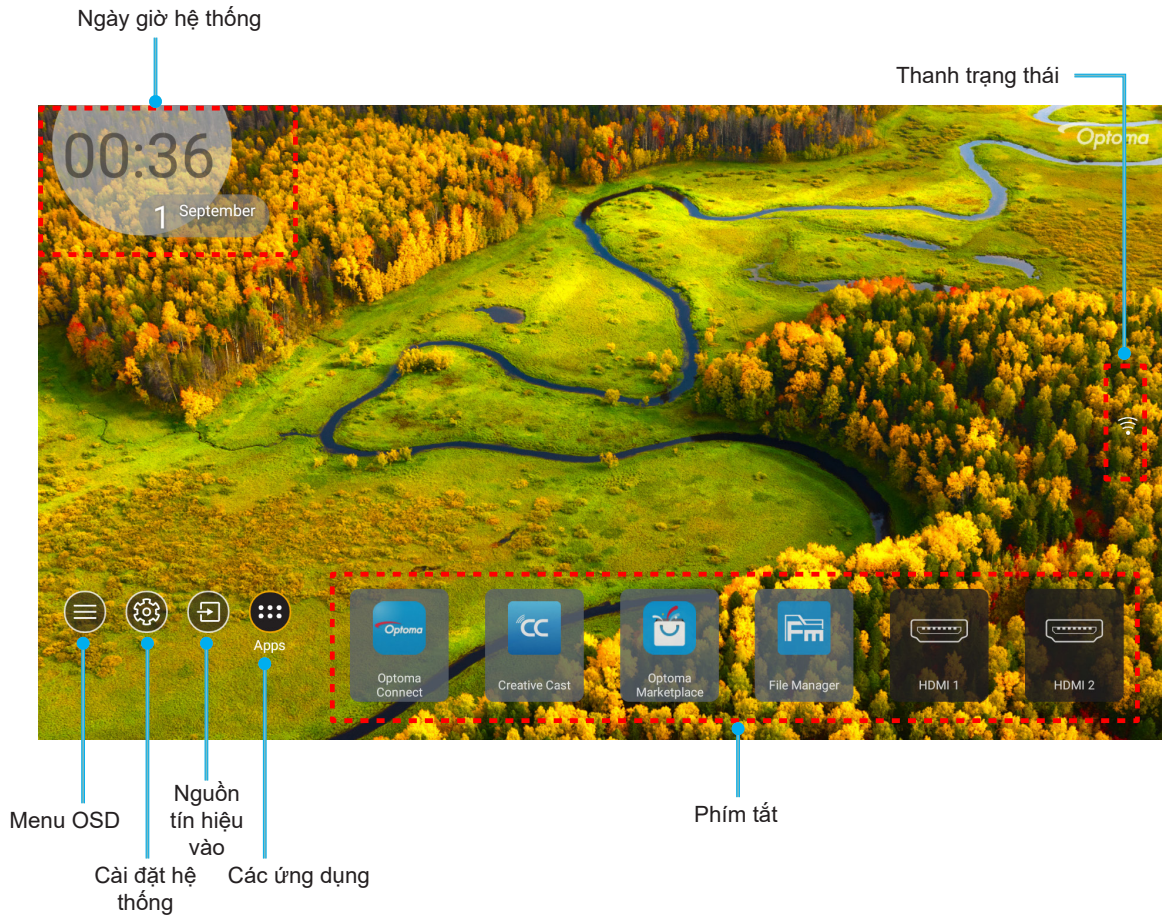
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tổng quan về màn hình chính

Màn hình chính sẽ hiển thị mỗi khi bạn bật máy chiếu. Nó chứa ngày giờ hệ thống, trạng thái hệ thống, biểu tượng truy cập menu OSD, menu cài đặt máy chiếu, ứng dụng, nguồn đầu vào và nhiều tùy chọn khác.

Để điều hướng màn hình chính, chỉ cần sử dụng các nút trên điều khiển từ xa.

Bạn có thể trở về màn hình chính bất cứ lúc nào bằng cách nhấn “” trên điều khiển từ xa, bất kể bạn đang ở vị trí nào trong giao diện người dùng.



Lưu ý: Menu hoặc mục vừa chọn được tô sáng bằng màu cam, ví dụ: “Ứng dụng” trên hình ảnh ở trên.

Ngày giờ hệ thống

Ngày giờ sẽ hiển thị trên màn hình chính nếu máy chiếu được kết nối mạng. Cài đặt mặc định là 10 giờ sáng, ngày 01/01/2019. Sáng/Tối sẽ chỉ hiển thị nếu định dạng 24 giờ đã tắt.

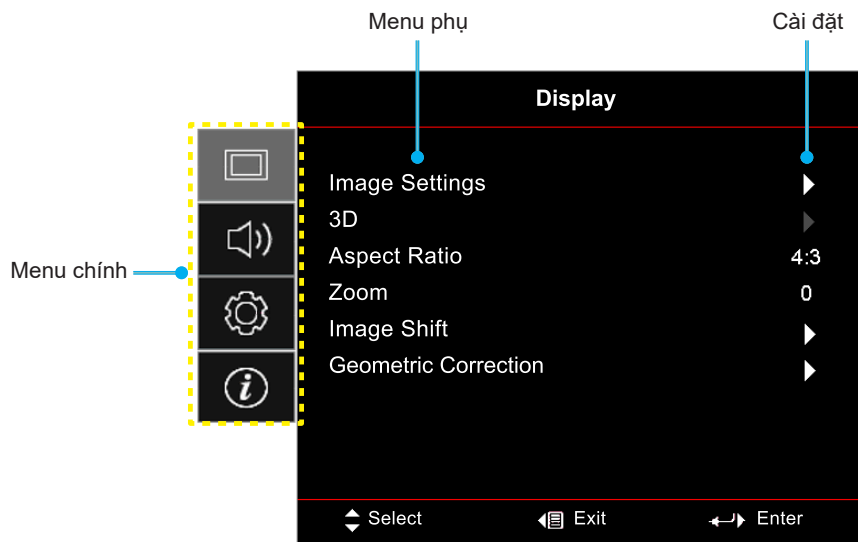
Để sửa đổi các thông số ngày giờ, chọn mục tương ứng trên màn hình. Trang cài đặt Ngày giờ sẽ tự động mở. Sau đó hãy thực hiện các sửa đổi.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu cài đặt máy chiếu (OSD)

Nhấn “≡” trên điều khiển từ xa hoặc trên màn hình chính, chọn menu OSD “⊞” để xem lại thông tin máy chiếu hoặc quản lý nhiều cài đặt khác nhau liên quan đến hình ảnh, màn hình, 3D, âm thanh và thiết lập.

Điều hướng menu chung



1. Khi menu OSD hiển thị, hãy sử dụng các nút điều hướng lên hoặc xuống để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Khi thực hiện lựa chọn trên một trang riêng, hãy nhấn “OK” để vào menu phụ.
2. Nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để chọn mục menu mong muốn. Sau đó nhấn “OK” để mở menu phụ liên quan.
3. Nhấn nút “**Trên**” và “**Dưới**” để chọn mục mong muốn trong menu phụ.
4. Nhấn nút “OK” để bật hoặc tắt một cài đặt hoặc nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để điều chỉnh một giá trị.
5. Chọn mục cần điều chỉnh tiếp theo trong menu phụ và sửa đổi như mô tả ở trên.
6. Để thoát, nhấn “↩” (nhiều lần nếu cần). Menu OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sơ đồ menu OSD

Lưu ý: Các mục và tính năng sơ đồ menu OSD tùy thuộc vào mẫu và khu vực. Optoma bảo lưu quyền thêm hoặc bỏ mục để cải thiện hiệu năng của sản phẩm mà không cần báo trước.

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị			
Display (Hiển thị)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Display Mode (Chế độ hiển thị)			Cinema (Rạp chiếu)			
					HDR			
					HLG			
					HDR SIM.			
					Game (Trò chơi)			
					Reference (Tham khảo)			
					Bright (Sáng)			
					3D			
					WCG_SDR			
					WCG_HDR			
					WCG_HLG			
					ISF Day (ISF ngày)			
					ISF Night (ISF đêm)			
				ISF 3D				
			Wall Color			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]		
						Blackboard (Bảng đen)		
						Light Yellow		
						Light Green		
						Light Blue		
						Pink		
			Dynamic Range (Dải động)	HDR/HLG			Gray (Mức xám)	
							Off (Tắt)	
				HDR Picture Mode (Chế độ hình HDR)			Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]	
							Bright (Sáng)	
							Standard (Tiêu chuẩn) [Chế độ mặc định]	
				HLG Picture Mode (Chế độ hình HLG)			Film (Phim)	
							Detail (Chi tiết)	
							Bright (Sáng)	
					HDR Brightness (Độ sáng HDR)			Standard (Tiêu chuẩn) [Chế độ mặc định]
								Film (Phim)
							Detail (Chi tiết)	
							0 ~ 10	
				Brightness (Độ sáng)			-50 ~ 50	
		Contrast (Độ tương phản)			-50 ~ 50			
		Sharpness (Độ sắc nét)			1 ~ 15			
		Color (Màu sắc)			-50 ~ 50			
		Tint (Sắc thái)			-50 ~ 50			





SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị			
Display (Hiển thị)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Gamma			Film (Phim)			
					Video			
					Graphics (Đồ họa)			
					Standard(2.2) (Tiêu chuẩn(2.2))			
					1.8			
					2.0			
					2.4			
					2.6			
				3D				
			Color Settings (Cài đặt màu sắc)	BrilliantColor™			1 ~ 10	
						D55		
				Color Temp. (Mức độ màu)			D65	
						D75		
						D83		
						D93		
						Native (Tự nhiên)		
				Color Temp. (Mức độ màu) [WCG_SDR WCG_HDR WCG_HLG]			D65	
							D90	
				Color Matching (Tinh chỉnh màu)	Color (Màu sắc)			R [Chế độ mặc định]
							G	
							B	
							C	
							Y	
							M	
							W	
						Hue (Màu sắc)		-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]
						Saturation(Độ bão hòa)		-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]
					Gain (Tăng cường)		-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]	
				Reset (Thiết lập lại)		Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định] Yes (Có)		
				Exit (Thoát)				
			RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB)	Red Gain (Tăng sắc đỏ)			-50 ~ 50	
							-50 ~ 50	
					-50 ~ 50			
	Green Bias (Độ lệch sắc lục)				-50 ~ 50			
					-50 ~ 50			
					-50 ~ 50			
		Reset (Thiết lập lại)			Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định] Yes (Có)			
		Exit (Thoát)						





SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị
Display (Hiển thị)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Color Settings (Cài đặt màu sắc)	Color Space (Không gian màu) [Đầu vào HDMI 1]		Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]
					RGB(0~255)
					RGB(16~235)
				YUV	
			Color Space (Không gian màu) [HDMI2/VGA/ Màn hình chính/ Component]		Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]
					RGB(0~255)
				RGB(16~235)	
		Signal (Tín hiệu)	Automatic (Tự động)		Off (Tắt)
					On (Bật) [Chế độ mặc định]
			Frequency (Tần số)		0~100 (tùy vào tín hiệu) [Chế độ mặc định: 50]
			Phase (Pha)		0~100 (tùy vào tín hiệu) [Chế độ mặc định: 50]
			H. Position (Vị trí.Ngang)		0~100 (tùy vào tín hiệu) [Chế độ mặc định: 50]
			V. Position (Vị trí.Dọc)		0~100 (tùy vào tín hiệu) [Chế độ mặc định: 50]
			Exit (Thoát)		
		Brightness Mode (Chế độ sáng)			Bright (Sáng) [Chế độ mặc định]
					Eco.
					Dynamic (Chế độ tiết kiệm năng lượng)
					Eco+
		Reset (Thiết lập lại)			
	Enhanced Gaming (Trò chơi nâng cao)	Off (Tắt) [Chế độ mặc định]			
		On (Bật)			
	3D	3D Mode (Chế độ 3D)		Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
				On (Bật)	
		3D Sync Invert (Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D)		Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
				On (Bật)	
		3D Format (Định dạng 3D)		Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]	
				SBS (Bên cạnh)	
			Top and Bottom (Trên và dưới)		
			Frame Sequential (Khung tuần tự)		
	Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)			4:3	
				16:9	
				21:9	
				32:9	
				LBX	
				Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]	
	Zoom (Thu phóng)			-5 ~ 25 [Chế độ mặc định: 0]	
	Image Shift (Dịch chuyển hình ảnh)	H (Ngang) <input type="checkbox"/>		-100 ~ 100 [Chế độ mặc định: 0]	
		V <input type="checkbox"/>		-100 ~ 100 [Chế độ mặc định: 0]	
	Geometric Correction (Hiệu chỉnh hình học)	Four Corners			
		H Keystone (Chỉnh vuông ngang)		-40 ~ 40 [Chế độ mặc định: 0]	
		V Keystone (Chỉnh hình chiều dọc)		-40 ~ 40 [Chế độ mặc định: 0]	
		3x3 Warp (Cong 3x3)			
Reset (Thiết lập lại)					

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị		
Display (Hiển thị)	PureMotion	PureMotion			Off (Tắt)		
					1		
					2		
					3 [Chế độ mặc định]		
Audio (Âm thanh)	Internal Speaker (Tích hợp loa)				Off (Tắt)		
	Mute (Tắt tiếng)				On (Bật) [Chế độ mặc định]		
						Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
Volume (Âm lượng)					On (Bật)		
Setup (Cài Đặt)	Projection (Trình chiếu)				0 ~ 10 [Chế độ mặc định: 5]		
					Phía trước  [Chế độ mặc định]		
					Rear 		
					Trên-phía trên 		
	Lamp Settings (Các chế độ của bóng đèn)	Lamp Reminder (Bộ nhắc đèn)				Phía sau-phía trên 	
						Off (Tắt)	
		Lamp Reset (Thiết lập lại đèn)					On (Bật) [Chế độ mặc định]
							Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]
	Filter Settings (Điều chỉnh lọc)	Filter Usage Hours (Thời gian sử dụng bộ lọc)				Yes (Có)	
						Optional Filter Installed (Bộ lọc tùy chọn được thiết lập)	No (Không)
		Filter Reminder (Nhắc nhở bộ lọc)					Off (Tắt)
							300hr (300 giờ)
							500hr (500 giờ) [Chế độ mặc định]
							800hr (800 giờ)
		Filter Reset (Thiết lập lại bộ lọc)					1000hr (1000 giờ)
							Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]
	Power Settings (Điều chỉnh nguồn)	Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)				Yes (Có)	
						Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
		Auto Power Off (min) (Tắt nguồn (phút))					On (Bật)
							0 ~ 180 (tăng 5 phút) [Chế độ mặc định: 20]
	Hẹn giờ ngủ (phút)				Always On (Luôn Bật)	0~990 (tăng thêm 30 phút) [Chế độ mặc định: 0]	
						No (Không) [Chế độ mặc định]	
Security (Bảo mật)	Security (Bảo mật)				Yes (Có)		
					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]		
	Security Timer (Bộ đếm thời gian an toàn)					On (Bật)	
						Month (Tháng)	
Day (Ngày)							
Change Password (Đổi mật khẩu)					Hour (Giờ)		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị		
Setup (Cài Đặt)	HDMI Link Settings (Thiết lập liên kết HDMI)	HDMI Link (Liên kết HDMI)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]		
					On (Bật)		
		Power On Link (Liên kết cho bật nguồn)				Mutual (Liên kết tương hỗ) [Chế độ mặc định]	
						PJ --> Device (Máy chiếu -> Thiết bị)	
		Power Off Link (Liên kết cho tắt nguồn)				Device --> PJ (Thiết bị -> Máy chiếu)	
						Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
	Test Pattern (Mẫu thử)					On (Bật)	
						Green Grid (Khung lưới xanh)	
						Magenta Grid (Khung lưới đỏ thẫm)	
						White Grid (Khung lưới trắng)	
						White (Trắng)	
	Remote Settings (Thiết lập điều khiển) [tùy vào điều khiển từ xa]	IR Function (Chức năng IR)				Off (Tắt)	
	Projector ID (Mã nhận dạng (ID))					00 ~ 99	
	12V Trigger (Bộ khởi động 12V)	12V Trigger (Bộ khởi động 12V)				On (Bật)	
						Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
	Options (Lựa chọn)	Language (Ngôn ngữ)				English [Chế độ mặc định]	
						Deutsch	
						Français	
						Italiano	
						Español	
						Português	
						简体中文	
						繁體中文	
						日本語	
						한국어	
						Русский	
			Menu Settings (Tùy chỉnh Menu)	Menu Location (Vị trí thực đơn)			
							Phải trên 
							Giữa  [Chế độ mặc định]
							Trái dưới 
							Phải dưới 
							Off (Tắt)
		Menu Timer (Đồng hồ menu)					5sec (5 giây)
						10sec (10 giây) [Chế độ mặc định]	
						Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
	Auto Source (Dò nguồn tự động)					On (Bật)	
					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]		
Input Source (Nguồn tín hiệu vào)					HDMI 1		
					HDMI 2		
					VGA		
High Altitude (Điều chỉnh tốc độ quạt)					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]		
					On (Bật)		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Setup (Cài Đặt)	Options (Lựa chọn)	Display Mode Lock (Khoá chế độ hiển thị)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)	
		Keypad Lock (Khóa bàn phím)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)	
		Information Hide (Ẩn thông tin)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)	
		Logo (Biểu tượng)			Default (Chế độ mặc định) [Chế độ mặc định]	
					Neutral (Trung lập)	
	Background Color(Màu nền)				None (Không) [Chế độ mặc định]	
					Blue (Lam)	
					Red (Đỏ)	
					Green (Lục)	
Reset (Thiết lập lại)	Reset OSD (Cài đặt OSD)				Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]	
					Yes (Có)	
	Reset to Default (Cài đặt mặc định)				Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]	
					Yes (Có)	
Info. (Thông tin)	Regulatory (Điều khiển)					
	Serial Number (Số Seri)					
	MAC Address (Địa chỉ MAC)					
	Source (Nguồn)					
	Resolution (Độ phân giải)				00x00	
	Refresh Rate (Tỉ lệ làm mới)				0,00Hz	
	Display Mode (Chế độ hiển thị)					
	Lamp Hours (Số giờ đèn hoạt động)	Bright (Sáng)				
		Eco.				
		Dynamic (Chế độ tiết kiệm năng lượng)				
		Eco+				
	Total (Tổng số)					
	Projector ID (Mã nhận dạng (ID))					00 ~ 99
	Filter Usage Hours (Thời gian sử dụng bộ lọc)					
	Brightness Mode (Chế độ sáng)					
FW Version (Phiên bản FW)	System (Hệ thống)					
	Android					
	MCU					

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hiển thị

Menu Cài đặt hình

Display Mode (Chế độ hiển thị)

Bạn có thể chọn một vài chế độ hiển thị được định sẵn để có hình ảnh phù hợp với bạn. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt cho nhiều loại nội dung đa dạng.

- **Cinema (Rạp chiếu):** Đem đến cân bằng hoàn hảo nhất giữa chi tiết và màu sắc khi xem phim.
- **HDR:** Đem đến màu sắc chân thực, vượt xa khả năng hiển thị màu của các chế độ hiển thị khác. Chế độ này mã hóa và hiển thị nội dung Dải Tương Phản Động Rộng (HDR) đối với các màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020.
Lưu ý: Chế độ này sẽ được bật tự động nếu HDR được cài sang BẬT (và Nội dung HDR được gửi sang máy chiếu – 4K UHD Blu-ray, game 1080p/4K UHD HDR, Video phát trực tiếp 4K UHD). Khi chế độ HDR đang hoạt động, tất cả các chế độ hiển thị khác sẽ bị xám mờ, ngoại trừ WCG_HDR@HDMI2.
- **HLG:** Đem đến màu sắc chân thực, vượt xa khả năng hiển thị màu của các chế độ hiển thị khác. Chế độ này mã hóa và hiển thị nội dung Nhật ký lai (HLG) cho màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020.
Lưu ý: Chế độ này sẽ được bật tự động nếu như HDR được chuyển sang Bật (và nội dung HLG được truyền tới máy chiếu). Khi chế độ HLG đang hoạt động, tất cả các chế độ hiển thị khác sẽ bị xám mờ, ngoại trừ WCG_HLG@HDMI2.
- **HDR SIM.:** Nâng cao nội dung không phải HDR với Dải Tương Phản Động Rộng được mô phỏng (HDR). Chọn chế độ này để nâng cao gamma, độ tương phản và độ bão hòa màu cho nội dung không phải HDR (Truyền phát/Truyền hình cáp 720p và 1080p, 1080p Blu-ray, game không phải HDR, v.v...).
Lưu ý: Chế độ này CHỈ có thể được sử dụng với nội dung không phải HDR.
- **Game (Trò chơi):** Tối ưu hóa máy chiếu của bạn để có độ tương phản tối đa và màu sắc rực rỡ, để bạn có thể nhìn thấy chi tiết bóng khi chơi game.
Lưu ý: Không thể dùng chế độ hiển thị này khi xem video nội dung HDR hoặc chơi game HDR. Để bật độ trễ đầu vào thấp, hãy đảm bảo rằng PC hoặc máy chơi game của bạn kết nối qua HDMI1 và bật Chế độ chơi game nâng cao.
- **Reference (Tham khảo):** Chế độ này tái tạo màu sắc theo sát ý tưởng mà đạo diễn phim mong muốn nhất. Các cài đặt màu, mức độ màu, độ sáng, độ tương phản và gamma đều được định cấu hình theo gam màu Rec.709. Chọn chế độ này để có được màu sắc chuẩn xác nhất để xem phim.
- **Bright (Sáng):** Chế độ này phù hợp cho môi trường mà cần có mức sáng rất cao, như dùng máy chiếu trong căn phòng nhiều ánh sáng.
- **3D:** Các cài đặt được tối ưu để xem nội dung 3D.
Lưu ý: Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính tương thích DLP Link 3D. Xem phần 3D để có thêm thông tin.
- **WCG_SDR:** Chế độ này tái tạo màu sắc theo gam màu rộng, đem lại hiệu năng màu sắc chính xác và chân thực hơn.
Lưu ý: Khi bật, chế độ này sẽ kích hoạt màn trập và sẽ làm giảm độ sáng. Chế độ này không khả dụng khi xem nội dung có siêu dữ liệu HDR hoặc HLG. Không khả dụng khi tín hiệu vào qua HDMI1.
- **WCG_HDR:** Chế độ này đem đến gam màu rộng cho nội dung HDR, đem lại hiệu năng màu sắc chính xác và chân thực hơn.
Lưu ý: Khi bật, chế độ này sẽ kích hoạt màn trập và sẽ làm giảm độ sáng. Chế độ này chỉ khả dụng khi xem nội dung có siêu dữ liệu HDR. Không khả dụng khi tín hiệu vào qua HDMI1.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- **WCG_HLG:** Chế độ này đem đến gam màu rộng cho nội dung HLG, đem lại hiệu năng màu sắc chính xác và chân thực hơn.
Lưu ý: Khi bật, chế độ này sẽ kích hoạt màn trập và sẽ làm giảm độ sáng. Chế độ này chỉ khả dụng khi xem nội dung có siêu dữ liệu HLG. Không khả dụng khi tín hiệu vào qua HDMI1.
- **ISF Day (ISF ngày):** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem ban ngày.
- **ISF Night (ISF đêm):** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem lúc tối.
- **ISF 3D:** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem bằng 3D.

Lưu ý: Các chế độ ISF cần phải được tinh chỉnh chuyên nghiệp. Để mở khóa và truy cập các chế độ ISF, bạn sẽ cần phải nhập mã sau bằng điều khiển hoặc bàn phím: Nguồn > Lên > Xuống > Lên > Lên.

Wall Color

Được thiết kế để điều chỉnh màu của hình ảnh được trình chiếu lên tường mà không có tấm nền. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt. Bạn có thể chọn một vài chế độ được định sẵn để có hình ảnh phù hợp màu tường của bạn. Chọn giữa Off (Tắt), Blackboard (Bảng đen), Light Yellow, Light Green, Light Blue, Pink, và Gray (Mức xám).

Lưu ý: Để có màu sắc chính xác, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng màn chiếu.

Dynamic Range (Dải động)

Định cấu hình cài đặt Dải Động Cao (HDR) và hiệu ứng liên quan khi hiển thị video từ đầu đĩa Blu-ray 4K và thiết bị truyền video.

Lưu ý: VGA không hỗ trợ Dải tần nhạy sáng.

► HDR/HLG

- **Off (Tắt):** Tắt tiến trình xử lý HDR hoặc HLG. Khi đã cài sang Tắt, máy chiếu sẽ KHÔNG giải mã nội dung HDR hoặc HLG.
- **Auto (Tự động):** Tự động phát hiện tín hiệu HDR.

► HDR Picture Mode (Chế độ hình HDR)

- **Bright (Sáng):** Chọn chế độ này để màu sắc sáng và bão hòa hơn.
- **Standard (Tiêu chuẩn):** Chọn chế độ này cho các màu trông tự nhiên với sự cân bằng của các tông màu ấm và nguội.
- **Film (Phim):** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và độ sắc nét hình ảnh.
- **Detail (Chi tiết):** Tín hiệu đến từ việc chuyển đổi OETF để đạt độ phối màu tối ưu.

► HLG Picture Mode (Chế độ hình HLG)

- **Bright (Sáng):** Chọn chế độ này để màu sắc sáng và bão hòa hơn.
- **Standard (Tiêu chuẩn):** Chọn chế độ này cho các màu trông tự nhiên với sự cân bằng của các tông màu ấm và nguội.
- **Film (Phim):** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và độ sắc nét hình ảnh.
- **Detail (Chi tiết):** Tín hiệu đến từ việc chuyển đổi OETF để đạt độ phối màu tối ưu.

► HDR Brightness (Độ sáng HDR)

- Điều chỉnh mức độ sáng của HDR.

Brightness (Độ sáng)

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

Contrast (Độ tương phản)

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

Sharpness (Độ sắc nét)

Điều chỉnh độ sắc nét hình ảnh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Color (Màu sắc)

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bảo hạ hoàn toàn.

Tint (Sắc thái)

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

Gamma

Cài đặt dạng cong gamma. Sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

- **Film (Phim):** Cho nhà hát tại gia.
- **Video:** Cho nguồn video hoặc TV.
- **Graphics (Đồ họa):** Cho nguồn PC/Ảnh.
- **Standard(2.2) (Tiêu chuẩn(2.2)):** Cho cài đặt chuẩn hóa.
- **1.8 / 2.0 / 2.4 / 2.6:** Cho nguồn PC/Ảnh cụ thể. 2.4 và 2.6 cũng có thể được dùng cho nội dung video và game để có độ tương phản sâu hơn.
- **3D:** Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính 3D. Đảm bảo PC/thiết bị di động của bạn đã lắp đặt card đồ họa bốn bộ nhớ đệm tín hiệu đầu ra 120 Hz và Đầu phát 3D.

Lưu ý: Các tùy chọn này chỉ có sẵn khi chức năng chế độ 3D đang tắt. Ở chế độ 3D, người sử dụng chỉ có thể chọn "3D" cho cài đặt Gamma.

Color Settings (Cài đặt màu sắc)

Định cấu hình cài đặt màu sắc.

- **BrilliantColor™:** Mục có thể điều chỉnh này sử dụng thuật toán xử lý màu và tăng cường để cho độ sáng cao hơn mà vẫn tạo ra màu sắc sống động, trung thực trong hình ảnh.
- **Color Temp. (Mức độ màu):** Chọn nhiệt độ màu từ mức D55, D65, D75, D83, D93 hoặc Native (Tự nhiên).
- **Color Matching (Tinh chỉnh màu):** Chọn các tùy chọn sau:
 - Color (Màu sắc): Chỉnh mức Đỏ (R), Lục (G), Lam (B), Xanh ngọc (C), Vàng (Y), Đỏ thẫm (M) và Trắng (W) cho hình.
 - Hue (Màu sắc): Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.
 - Saturation (Độ bão hòa): Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bảo hạ hoàn toàn.
 - Gain (Tăng cường): Chỉnh độ sáng hình.
 - Reset (Thiết lập lại): Trở về cài đặt mặc định gốc cho Tinh chỉnh màu.
 - Exit (Thoát): Thoát menu "Color Matching (Tinh chỉnh màu)".
- **RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB):** Cài đặt này cho phép cài đặt độ sáng (tăng cường) và độ tương phản (độ lệch) của hình.
 - Reset (Thiết lập lại): Trở về cài đặt mặc định gốc cho Tăng cường/Lệch RGB.
 - Exit (Thoát): Thoát menu "RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB)".
- **Color Space (Không gian màu) (chỉ cho Đầu vào HDMI 1):** Chọn loại khuôn màu thích hợp từ tùy chọn sau: Auto (Tự động), RGB(0-255), RGB(16-235) và YUV.
- **Color Space (Không gian màu) (Chỉ cho HDMI2/VGA/Màn hình chính/Component):** Chọn loại khuôn màu thích hợp từ tùy chọn sau: Auto (Tự động), RGB(0-255) và RGB(16-235).

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Signal (Tín hiệu)

Chỉnh các tùy chọn tín hiệu.

- **Automatic (Tự động):** Tự động định cấu hình tín hiệu (các mục Tần số và Pha sẽ chuyển sang màu xám). Nếu tùy chọn Tự động đang tắt, các mục Tần số và Pha sẽ hiển thị để điều chỉnh và lưu lại cài đặt.
- **Frequency (Tần số):** Thay đổi tần số dữ liệu hiển thị cho phù hợp với tần số của card đồ họa máy tính. Chỉ sử dụng chức năng này khi hình ảnh dường như bị nháy theo chiều dọc.
- **Phase (Pha):** Đồng bộ chức năng định giờ tín hiệu của màn hình với card đồ họa. Nếu hình ảnh xuất hiện không ổn định hoặc nhấp nháy, sử dụng chức năng này để điều chỉnh.
- **H. Position (Vị trí.Ngang):** Chỉnh vị trí nằm ngang của hình chiếu.
- **V. Position (Vị trí.Dọc):** Chỉnh vị trí nằm dọc của hình chiếu.
- **Exit (Thoát):** Thoát menu "Signal (Tín hiệu)".

Lưu ý: Menu này chỉ có sẵn khi nguồn tín hiệu đầu vào là RGB/Thành phần.

Brightness Mode (Chế độ sáng)

Chỉnh cài đặt chế độ độ sáng.

- **Bright (Sáng):** Chọn "Bright (Sáng)" để tăng độ sáng.
- **Eco.:** Chọn "Eco." để giảm độ sáng đèn máy chiếu để giảm thiểu mức tiêu thụ điện và kéo dài tuổi thọ đèn.
- **Dynamic (Chế độ tiết kiệm năng lượng):** Chọn "Dynamic (Chế độ tiết kiệm năng lượng)" để giảm bớt nguồn điện đèn vốn sẽ dựa trên mức độ sáng của nội dung và điều chỉnh động mức tiêu thụ điện đèn giữa 100% và 30%. Tuổi thọ đèn sẽ được kéo dài.
- **Eco+:** Khi chế độ "Eco+" được kích hoạt, mức độ sáng của nội dung sẽ được phát hiện tự động nhằm giảm đáng kể mức tiêu thụ điện của đèn (đến 70%) trong thời gian không hoạt động.

Reset (Thiết lập lại)

Trở về cài đặt mặc định gốc cho Cài đặt màu sắc.

Menu chơi game nâng cao

Bật tính năng này để giảm thời gian phản hồi (độ trễ đầu vào) xuống 4,5ms* trong khi chơi game.

Lưu ý:

- Chỉ hỗ trợ cho HDMI1.
- *Chỉ áp dụng cho các tín hiệu 1080p 240Hz.
- Độ trễ đầu vào của các tín hiệu được mô tả trong bảng sau:
- Các giá trị trong bảng có thể khác nhau một chút.

Định giờ nguồn phát	Trò chơi nâng cao	Đầu ra	Độ phân giải đầu ra	Độ trễ đầu vào
1080p60	Bật	1080p60	1080p	17ms
1080p120	Bật	1080p120	1080p	8,6ms
1080p240	Bật	1080p240	1080p	4,4ms
4K60	Bật	4K60	4K	16,9ms
1080p60	Tắt	1080p60	1080p	33,8ms
1080p120	Tắt	1080p120	1080p	17ms
1080p240	Tắt	1080p240	1080p	8,6ms
4K60	Tắt	4K60	4K	33,7ms

- Vui lòng lưu ý rằng nếu chế độ "Enhanced Gaming (Trò chơi nâng cao)" được bật, các chức năng 3D, Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình), Zoom (Thu phóng), Image Shift (Dịch chuyển hình ảnh) và Geometric Correction (Hiệu chỉnh hình học) sẽ được tắt tự động. Các chức năng này sẽ được bật lại nếu bạn tắt chế độ "Enhanced Gaming (Trò chơi nâng cao)".

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu 3D

3D Mode (Chế độ 3D)

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng chế độ 3D.

3D Sync Invert (Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D)

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng chuyển đổi đồng bộ 3D.

3D Format (Định dạng 3D)

Dùng tùy chọn này để chọn nội dung định dạng 3D thích hợp.

- **Auto (Tự động):** Khi tín hiệu nhận dạng 3D được phát hiện, định dạng 3D sẽ được chọn tự động.
- **SBS (Bên cạnh):** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Bên cạnh".
- **Top and Bottom (Trên và dưới):** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Top and Bottom (Trên và dưới)".
- **Frame Sequential (Khung tuần tự):** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Frame Sequential (Khung tuần tự)".

Lưu ý: Menu này chỉ có sẵn khi nguồn tín hiệu đầu vào là HDMI2/VGA.

Menu Tỷ lệ khung hình

Chọn tỷ lệ khung hình của hình chiếu trong số các tùy chọn sau:

- **4:3:** Định dạng này áp dụng cho nguồn đầu vào 4:3.
- **16:9/21:9/32:9:** Các định dạng này là cho nguồn vào 16:9/21:9/32:9 như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- **LBX:** Định dạng này áp dụng cho nguồn khổ hộp thư không phải 16x9 và nếu bạn sử dụng ống kính lắp ngoài 16x9 để hiển thị tỷ lệ khung hình 2,35:1 ở độ phân giải tối đa.
- **Auto (Tự động):** Tự động chọn định dạng hiển thị phù hợp.

Lưu ý:

- **Thông tin chi tiết về chế độ LBX:**
 - Một số DVD định dạng hộp thư không được nâng cao cho tivi khổ 16x9. Trong trường hợp này, hình ảnh trông sẽ không ổn khi hiển thị ở chế độ 16:9. Trong trường hợp này, hãy thử dùng chế độ 4:3 để xem DVD. Nếu nội dung không phải là 4:3 thì sẽ có các thanh đen hiển thị xung quanh hình ảnh ở màn hình 16:9. Với loại nội dung này, bạn có thể sử dụng chế độ LBX để lấp đầy hình ảnh trên màn hình 16:9.
 - Nếu bạn sử dụng thấu kính giãn hình lắp ngoài, chế độ LBX này cũng cho phép bạn xem nội dung 2,35:1 (bao gồm nguồn phim DVD và HDTV giãn hình) vốn hỗ trợ tính năng giãn hình rộng được nâng cao cho màn hình 16x9 ở chế độ hình ảnh rộng 2,35:1. Trong trường hợp này sẽ không có thanh đen nào. Cường độ của bóng đèn và độ phân giải dọc được sử dụng hoàn toàn.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bảng tỷ lệ UHD 4K:

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	720p	1080i/p	2160p
4x3	Chia tỷ lệ thành 2880 x 2160.				
16x9	Chia tỷ lệ thành 3840 x 2160.				
LBX	Lấy hình ảnh trung tâm 3840 x 1620 và sau đó tăng lên 3840 x 2160 để hiển thị.				
Native (Tự nhiên)	Canh giữa hình chiếu 1:1. Sẽ không thực hiện chia tỷ lệ; độ phân giải hiển thị tùy nguồn vào.				
Auto (Tự động)	- Nếu nguồn vào là 4:3 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 2880 x 2160. - Nếu nguồn vào là 16:9 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3840 x 2160. - Nếu nguồn vào là 15:9 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3600 x 2160. - Nếu nguồn vào là 16:10 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3456 x 2160.				

Quy tắc tự bố trí:

	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỷ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	3840	2160
4:3	800	600	2880	2160
	1024	768	2880	2160
	1280	1024	2880	2160
	1400	1050	2880	2160
	1600	1200	2880	2160
Laptop màn hình rộng	1280	720	3840	2160
	1280	768	3600	2160
	1280	800	3456	2160
SDTV	720	576	2700	2160
	720	480	3240	2160
HDTV	1280	720	3840	2160
	1920	1080	3840	2160

Menu thu phóng

Sử dụng để thu nhỏ hoặc phóng to hình trên màn hình chiếu.

Lưu ý: Các cài đặt thu phóng vẫn được giữ lại khi tắt đi và bật lại máy chiếu.

Menu Chuyển hình

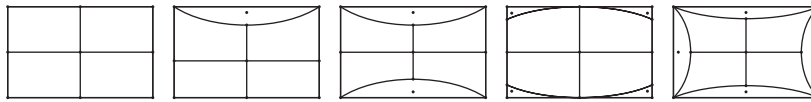
Điều chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều ngang (H) hoặc dọc (V).

Lưu ý: Kích thước hình sẽ giảm một ít khi chỉnh vuông hình ngang và dọc.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Hiệu chỉnh hình học

- **Four Corners:** Cài đặt này cho phép hình ảnh được chiếu được điều chỉnh từ mỗi góc để tạo hình ảnh vuông góc khi mặt phẳng chiếu không phẳng.
Lưu ý: Khi điều chỉnh Four Corners, các menu Thu phóng, Tỉ lệ khung hình và Dịch chuyển hình ảnh sẽ bị tắt. Để bật Thu phóng, Tỉ lệ khung hình và Dịch chuyển hình ảnh, đặt lại các cài đặt Four Corners về mặc định ban đầu.
- **H Keystone (Chỉnh vuông ngang):** Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều ngang và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình ngang được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên bên trái và bên phải không đều nhau. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực ngang.
- **V Keystone (Chỉnh hình chiều dọc):** Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều dọc và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình dọc được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên phía trên và dưới bị nghiêng về một bên. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực dọc.
- **3x3 Warp (Cong 3x3):** Điều chỉnh ảnh bị méo bằng cách sửa 9 điểm.



- **Reset (Thiết lập lại):** Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt hiệu chỉnh hình học.

Lưu ý: Khi dùng Chế độ chơi game nâng cao, Four Corner, Chỉnh vuông hình ngang, Chỉnh vuông hình dọc và Cong 3x3 sẽ bị tắt do các cài đặt này gây ảnh hưởng tới độ trễ đầu vào. Nếu bạn có ý định sử dụng Chế độ chơi game nâng cao để có độ trễ đầu vào thấp, chúng tôi khuyến nghị nên cài đặt máy chiếu mà không sử dụng Four Corner, Chỉnh vuông hình ngang, Chỉnh vuông hình dọc và Cong 3x3.

Menu PureMotion

Sử dụng công nghệ khung hình nội suy tĩnh tế, PureMotion giảm bóng mờ chuyển động hoặc giật hình, ngay cả trong những phân đoạn hành động nhanh nhẹn. Chọn giữa Off (Tắt), 1, 2, 3 cho các mức làm mượt chuyển động khác nhau.

Menu Âm thanh

Internal Speaker (Tích hợp loa)

Sử dụng tùy chọn này để bật hoặc tắt loa trong.

- **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để tắt loa tích hợp.
- **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để bật loa trong.

Mute (Tắt tiếng)

Dùng tùy chọn này để tạm tắt âm.

- **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để tắt tiếng.
- **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để mở tiếng.

Lưu ý: Chức năng "Mute (Tắt tiếng)" có ảnh hưởng đến cả âm lượng của loa trong và ngoài.

Volume (Âm lượng)

Chỉnh mức âm lượng.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu thiết lập

Projection (Trình chiếu)

Chọn trình chiếu ưa thích giữa phía trước, phía sau, trần-phía trên và phía sau-phía trên.

Menu Cài đặt đèn

Lamp Reminder (Bộ nhắc đèn)

Chọn chức năng này để hiển thị hoặc ẩn tin cảnh báo khi thông báo thay đèn hiển thị. Thông báo này sẽ xuất hiện 30 tiếng trước thời gian thay đèn đề xuất.

Lamp Reset (Thiết lập lại đèn)

Thiết lập lại bộ đếm giờ đèn sau khi thay bóng đèn.

Menu Cài đặt bộ lọc

Filter Usage Hours (Thời gian sử dụng bộ lọc)

Hiển thị giờ bộ lọc.

Optional Filter Installed (Bộ lọc tùy chọn được thiết lập)

Thiết lập cài đặt tin cảnh báo.

- **Yes (Có):** Hiển thị thông tin cảnh báo sau 500 giờ sử dụng.
Lưu ý: "Filter Usage Hours (Thời gian sử dụng bộ lọc) / Filter Reminder (Nhắc nhở bộ lọc) / Filter Reset (Thiết lập lại bộ lọc)" sẽ chỉ hiển thị khi "Optional Filter Installed (Bộ lọc tùy chọn được thiết lập)" là "Yes (Có)".
- **Không:** Tắt thông tin cảnh báo.

Filter Reminder (Nhắc nhở bộ lọc)

Chọn chức năng này để hiển thị hoặc ẩn thông báo cảnh báo khi thông báo thay tấm lọc được hiển thị. Các tùy chọn có sẵn gồm 300hr (300 giờ), 500hr (500 giờ), 800hr (800 giờ) và 1000hr (1000 giờ).

Filter Reset (Thiết lập lại bộ lọc)

Cài lại bộ đếm giờ bộ lọc bụi sau khi thay thế hoặc vệ sinh bộ lọc bụi.

Menu Cài đặt nguồn

Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)

Chọn "On (Bật)" để kích hoạt chế độ Nguồn trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi nguồn điện AC đã được cấp, mà không cần nhấn phím "Nguồn" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Auto Power Off (min) (Tắt nguồn (phút))

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Hẹn giờ ngủ (phút)

Định cấu hình Hẹn giờ tắt máy.

- **Hẹn giờ ngủ (phút):** Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).
Lưu ý: Hẹn giờ tắt máy sẽ được cài lại mỗi khi tắt nguồn máy chiếu.
- **Always On (Luôn Bật):** Đánh chọn để cài hẹn giờ tắt máy luôn bật.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Bảo mật

Security (Bảo mật)

Bật chức năng này để nhắc nhập mật khẩu trước khi sử dụng máy chiếu.

- **Off (Tắt):** Chọn “Off (Tắt)” để có thể bật máy chiếu mà không cần xác nhận mật khẩu.
- **On (Bật):** Chọn “On (Bật)” để sử dụng xác nhận bảo mật khi bật máy chiếu.

Lưu ý: Mật khẩu mặc định là 1234

Security Timer (Bộ đếm thời gian an toàn)

Có thể chọn chức năng (Month (Tháng)/Day (Ngày)/Hour (Giờ)) để cài đặt số giờ mà máy chiếu có thể được sử dụng. Một khi thời gian này đã qua, bạn sẽ được yêu cầu nhập lại mật khẩu.

Change Password (Đổi mật khẩu)

Dùng để cài hoặc sửa mật khẩu được báo nhắc khi bật máy chiếu.

Menu Thiết lập liên kết HDMI

Lưu ý: Khi kết nối các thiết bị tương thích chuẩn HDMI CEC với máy chiếu bằng các cáp HDMI, bạn có thể kiểm soát chúng trên cùng tình trạng Bật nguồn hoặc Tắt nguồn qua tính năng kiểm soát Liên kết HDMI trên menu OSD của máy chiếu. Tùy chọn này cho phép bật nguồn hoặc tắt nguồn một thiết bị hoặc nhiều thiết bị trong một nhóm qua Tính năng Liên kết HDMI trong cấu hình chuẩn và đầu phát DVD của bạn có thể được kết nối với máy chiếu thông qua bộ âm li hoặc hệ thống nhà hát tại gia.



HDMI Link (Liên kết HDMI)

Bật/tắt chức năng Liên kết HDMI. Các tùy chọn Bao gồm TV, Liên kết cho bật nguồn và Liên kết cho tắt nguồn sẽ chỉ khả dụng nếu cài đặt được cài sang "On (Bật)".

Power On Link (Liên kết cho bật nguồn)

Lệnh bật nguồn CEC.

- **Liên kết tương hỗ:** Cả máy chiếu và thiết bị CEC sẽ được bật cùng một lúc.
- **PJ --> Device (Máy chiếu -> Thiết bị):** Thiết bị CEC sẽ được bật chỉ sau khi đã bật máy chiếu.
- **Device --> PJ (Thiết bị -> Máy chiếu):** Máy chiếu sẽ được bật chỉ sau khi đã bật thiết bị CEC.

Power Off Link (Liên kết cho tắt nguồn)

Bật chức năng này để cho phép cả Liên kết HDMI và máy chiếu được tắt tự động cùng một lúc.

Menu Mẫu thử

Chọn mẫu kiểm tra từ Green Grid (Khung lưới xanh), Magenta Grid (Khung lưới đỏ thẫm), White Grid (Khung lưới trắng), White (Trắng) hoặc tắt chức năng này (Off (Tắt)).

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Cài đặt từ xa

IR Function (Chức năng IR)

Thiết lập cài đặt chức năng IR.

- **On (Bật):** Chọn "On (Bật)", máy chiếu có thể được khởi động bằng điều khiển từ xa từ bộ thu hồng ngoại ở mặt trên và mặt trước.
- **Off (Tắt):** Nếu chọn "Off (Tắt)", bạn không thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn "Tắt", bạn sẽ có thể sử dụng bàn phím.

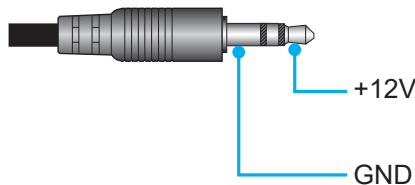
Menu Mã nhận dạng máy chiếu

Có thể thiết lập định nghĩa Mã nhận dạng (ID) qua menu (biên độ từ 0-99), và cho phép người dùng điều khiển máy chiếu cá nhân bằng lệnh RS232.

Menu Khởi động 12V

Dùng chức năng này để bật hoặc tắt bộ khởi động.

Lưu ý: Giắc cắm mini 3,5mm dẫn dòng điện ra 12V 500mA (tối đa) để điều khiển hệ thống role.



- **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để bật trigger (bộ khởi động).
- **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để tắt bộ khởi động.

Menu Tùy chọn

Language (Ngôn ngữ)

Chọn menu đa ngôn ngữ OSD giữa tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Trung giản thể, tiếng Trung phồn thể, tiếng Nhật, tiếng Hàn và tiếng Nga.

Menu Settings (Tùy chỉnh Menu)

Cài vị trí menu trên màn hình và định cấu hình cài đặt Menu timer (Hẹn giờ menu).

- **Menu Location (Vị trí thực đơn):** Chọn vị trí menu trên màn hình hiển thị.
- **Menu Timer (Đồng hồ menu):** Cài thời lượng nơi mà menu OSD vẫn hiển thị trên màn hình.

Auto Source (Dò nguồn tự động)

Chọn tùy chọn này để cho phép máy chiếu tự động tìm nguồn đầu vào khả dụng.

Input Source (Nguồn tín hiệu vào)

Chọn nguồn đầu vào giữa DMI 1, HDMI 2 và VGA.

High Altitude (Điều chỉnh tốc độ quạt)

Khi chọn "On (Bật)", các quạt sẽ quay nhanh hơn. Tính năng này hữu ích tại các khu vực có nhiều độ cao nơi mà ít không khí.

Display Mode Lock (Khoá chế độ hiển thị)

Chọn "On (Bật)" hoặc "Off (Tắt)" để khóa hoặc mở khóa chỉnh cài đặt chế độ hiển thị.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Keypad Lock (Khóa bàn phím)

Khi chức năng khóa bàn phím là “On (Bật)”, bàn phím sẽ bị khóa. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Off (Tắt)”, bạn sẽ có thể sử dụng lại Bàn phím.

Information Hide (Ẩn thông tin)

Bật chức năng này để ẩn thông báo thông tin.

- **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để hiển thị thông báo "đang tìm kiếm".
- **On (Bật):** Chọn “On (Bật)” để ẩn thông tin.

Logo (Biểu tượng)

Sử dụng chức năng này để cài đặt màn hình khởi động mong muốn. Nếu thực hiện các thay đổi, chúng sẽ có hiệu lực ở lần bật máy chiếu tiếp theo.

- **Default (Chế độ mặc định):** Màn hình khởi động mặc định.
- **Neutral (Trung lập):** Logo sẽ không hiển thị trên màn hình khởi động.

Background Color(Màu nền)

Sử dụng chức năng này để hiển thị màu lam, đỏ, lục, xám, hoặc Không khi không có tín hiệu.

Menu Cài lại

Reset OSD (Cài đặt OSD)

Phục hồi cài đặt mặc định gốc cho thiết lập menu OSD.

Reset to Default (Cài đặt mặc định)

Phục hồi về cài đặt mặc định gốc cho mọi cài đặt.

Menu Thông tin

Xem thông tin máy chiếu như liệt kê sau đây:

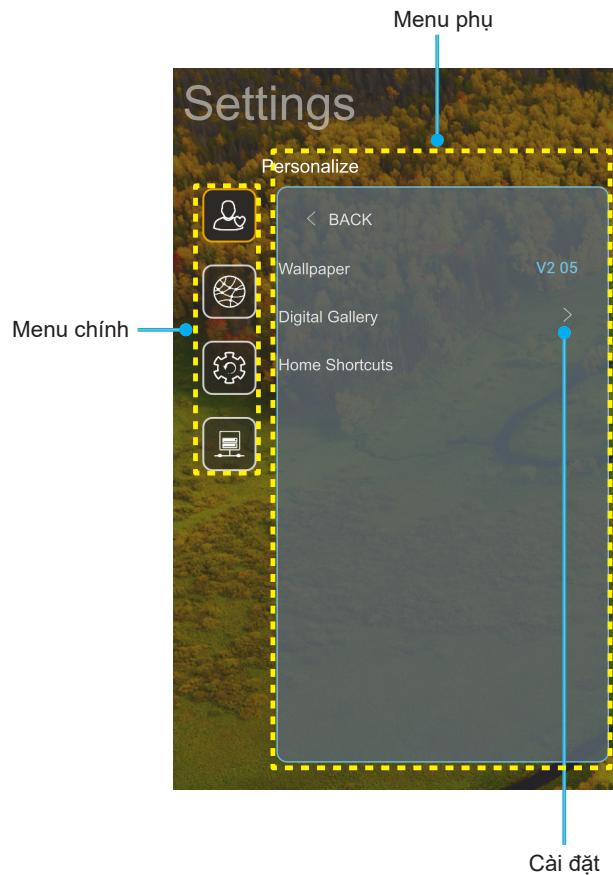
- Regulatory (Điều khiển)
- Serial Number (Số Seri)
- MAC Address (Địa chỉ MAC)
- Source (Nguồn)
- Resolution (Độ phân giải)
- Refresh Rate (Tỉ lệ làm mới)
- Display Mode (Chế độ hiển thị)
- Lamp Hours (Số giờ đèn hoạt động)
- Projector ID (Mã nhận dạng (ID))
- Filter Usage Hours (Thời gian sử dụng bộ lọc)
- Brightness Mode (Chế độ sáng)
- FW Version (Phiên bản FW)

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu cài đặt hệ thống

Trên màn hình chính, chọn menu cài đặt hệ thống  để định cấu hình nhiều cài đặt hệ thống khác nhau.

Điều hướng menu chung



1. Khi menu cài đặt hệ thống hiển thị, hãy sử dụng các nút điều hướng lên hoặc xuống để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Trong khi thực hiện lựa chọn trên một trang cụ thể, nhấn nút **“OK”** hoặc **“Phải”** trên điều khiển từ xa để vào menu phụ.
2. Nhấn nút **“Trái”** và **“Phải”** để chọn mục menu mong muốn. Sau đó nhấn **“OK”** để mở menu phụ liên quan.
3. Nhấn nút **“Trên”** và **“Dưới”** để chọn mục mong muốn trong menu phụ.
4. Nhấn nút **“OK”** hoặc **“Phải”** để truy cập cài đặt mục menu phụ vừa chọn.
5. Nhấn nút **“Trên”**, **“Dưới”**, **“Trái”** hoặc **“Phải”** để chọn cài đặt hoặc nhấn nút **“Trái”** và **“Phải”** để chỉnh giá trị đó (nếu cần).
6. Nhấn **“OK”** để xác nhận cài đặt.
7. Chọn mục cần điều chỉnh tiếp theo trong menu phụ và sửa đổi như mô tả ở trên.
8. Để thoát, nhấn **“↶”** (nhiều lần nếu cần). Menu cài đặt sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sơ đồ menu cài đặt hệ thống

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
Personalize (Cá nhân hóa)	Wallpaper (Hình nền)	Phong cách Optoma...			
	Home Shortcuts (Phím Tắt Trang Chủ)	Phím tắt 1		Ứng dụng/Nguồn vào	
		Phím tắt 2		Ứng dụng/Nguồn vào	
		Phím tắt 3		Ứng dụng/Nguồn vào	
		Phím tắt 4		Ứng dụng/Nguồn vào	
		Phím tắt 5		Ứng dụng/Nguồn vào	
		Phím tắt 6		Ứng dụng/Nguồn vào	
	Digital Gallery (Bộ sưu tập ảnh kỹ thuật số)	Digital Gallery (Bộ sưu tập ảnh kỹ thuật số)		Off (Tắt)	
				On (Bật)	
		Start after (Bắt đầu sau)		3mins (3 phút)	
			5mins (5 phút)		
			10mins (10 phút)		
Network (Mạng)	Wireless (Không dây)	Wi-Fi		Off (Tắt)	
				On (Bật) [Chế độ mặc định]	
			Enter password for (Nhập mật khẩu cho) [Tên Wi-Fi] (Khi nhập mật khẩu)		[Hộp thoại bật lên] - Tiêu đề: Enter password for (Nhập mật khẩu cho) [Tên Wi-Fi] - Phụ đề: Password (Mật khẩu) - Nhập liệu: (Nhập văn bản) - Ô kiểm: Show password (Hiển thị mật khẩu) - Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"
			Internet Connection (Kết nối internet)		
			IP Address (Địa chỉ IP)		
			MAC Address (Địa chỉ MAC)		
			Signal Strength (Cường độ tín hiệu)		
					None (Không)
					Manual (Thủ công)
			Available Networks (Mạng khả dụng) (Khi WiFi bật)		[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Enter a valid hostname. (Nhập tên máy chủ hợp lệ.) Phụ đề: Proxy hostname (Tên máy chủ proxy) Gợi ý nhập liệu: proxy.example.com Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"
				Proxy Settings (Cài đặt proxy)	
				IP Settings (Cài đặt IP)	DHCP Static (Tĩnh) [Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Enter a valid IP address. (Nhập địa chỉ IP hợp lệ.) Phụ đề: IP Address (Địa chỉ IP) Gợi ý nhập liệu: 192.168.1.128 Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"
				Cancel (Hủy)	
				Forget (Quên)	[Hộp thoại bật lên] Gợi ý: [Tên Wi-Fi] Tiêu đề: Forget network (Quên mạng) Nội dung: Your device will no longer join this Wi-Fi network. (Thiết bị của bạn không còn kết nối với mạng Wi-Fi này.) Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
Network (Mạng)	Wireless (Không dây)	Other Options (Tùy chọn khác)	Connect via WPS (Kết nối qua WPS)		
			Connect via WPS (Enter PIN) (Kết nối qua WPS (Nhập mã PIN))		
			Add New Network (Thêm mạng mới)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Enter the name for Wi-Fi network (Nhập tên mạng Wi-Fi) Nhập liệu: (Nhập văn bản) Nút: "Cancel (Hủy)"/"OK"	
				[Hộp thoại bật lên] Nội dung: Type of security (Kiểu bảo mật) Nút: None (Không), WEP, WPA/WPA2 PSK, 802.1xEAP	
			Portable Hotspot (Hotspot di động)	Portable Wi-Fi Hotspot (Hotspot Wi-Fi di động)	Off (Tắt)
					On (Bật)
				Network name (Tên mạng)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Rename network (Đổi tên mạng) Nhập liệu: (Nhập văn bản) Nút: "Cancel (Hủy)"/"OK"
				Security (Bảo mật)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Type of security (Kiểu bảo mật) Nút: None (Không), WPA2 PSK
			Password (Mật khẩu)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Change Password (Đổi mật khẩu) Nhập liệu: (Nhập văn bản) Mô tả: The password must have at least 8 characters. (Mật khẩu phải có ít nhất 8 ký tự.) Ô kiểm: Show password (Hiển thị mật khẩu) Nút: "Cancel (Hủy)"/"OK"	
			Ethernet	Status (Trạng thái)	
	MAC Address (Địa chỉ MAC)			(chỉ đọc)	
	Proxy Settings (Cài đặt proxy)	None (Không)			
		Manual (Thủ công)		Proxy hostname (Tên máy chủ proxy)	
				Port (Cổng) bypass proxy domains (tên miền proxy nhánh)	
	IP Settings (Cài đặt IP)	DHCP			
		Static (Tĩnh)		IP Address (Địa chỉ IP)	
			Gateway		
Network Prefix Length (Độ dài tiền tố mạng)					
DNS1 DNS2					
Reset (Thiết lập lại)					

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

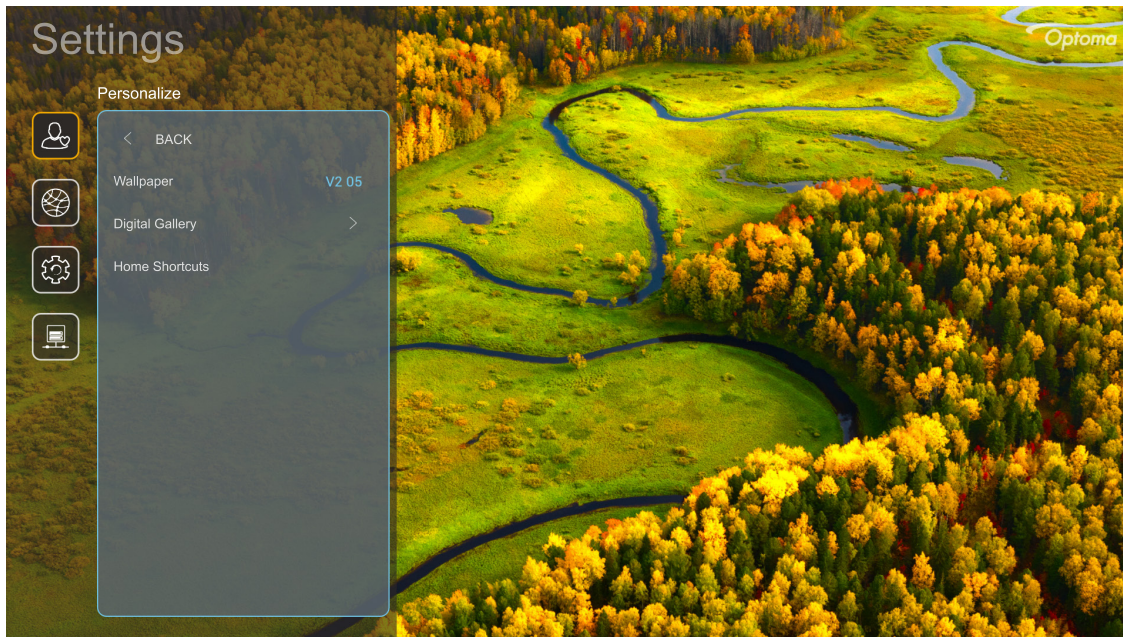
Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
System (Hệ thống)	Keyboard (Bàn phím)				
	Date and Time (Ngày giờ)	Select time zone (Lựa chọn)			-12:00, -11:00, -10:00, -09:30, -09:00, -08:00, -07:00, -06:00, -05:00, -04:00, -03:30, -03:00, -02:00, -01:00, 00:00, +01:00, +02:00, +03:00, +03:30, +04:00, +04:30, +05:00, +05:30, +05:45, +06:00, +06:30, +07:00, +08:00, +08:30, +8:45, +09:00, +09:30, +10:00, +10:30, +11:00, +12:00, +12:45, +13:00, +14:00
		Daylight Saving Time (Giờ mùa hè)			On (Bật) Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
		Use 24-hour format (Dùng định dạng 24 giờ)			On (Bật) Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
		System Update (Cập nhật hệ thống)			
	Internal Storage (Bộ nhớ trong)				
	Legal (Pháp lý)	Terms and Conditions of Use (Điều khoản và điều kiện sử dụng)			
		Privacy Policy (Chính sách quyền riêng tư)			
		Cookies Policy (Chính sách cookie)			
	Control (Điều khiển)	LAN Control (Điều khiển LAN)	Smart Home (Ngôi nhà thông minh)		Off (Tắt) [Chế độ mặc định] On (Bật)

Lưu ý:

- Các chức năng sẽ khác nhau tùy vào định nghĩa của từ mẫu máy chiếu.
- Tắt Ngôi nhà thông minh sẽ tắt khả năng bật nguồn máy chiếu bằng Alexa Smart Home hoặc lệnh "power on" (bật nguồn) của Google Action (ví dụ: Alexa, bật máy chiếu).

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cá nhân hóa menu



Home Shortcuts (Phím Tắt Trang Chủ)

Xem lại các phím tắt trên màn hình chính của mọi ứng dụng đã mở trong mỗi nguồn tín hiệu vào. Các mục không thể lặp lại ngoại trừ tùy chọn “Tự động” - nghĩa là hệ thống sẽ ghi nhớ tối đa sáu ứng dụng mới nhất đã được mở và sau đó sẽ thay thế các phím tắt ứng dụng để ứng dụng mới nhất sẽ nằm trên đầu danh sách trong khi các ứng dụng khác trong danh sách được dịch chuyển theo một vị trí.

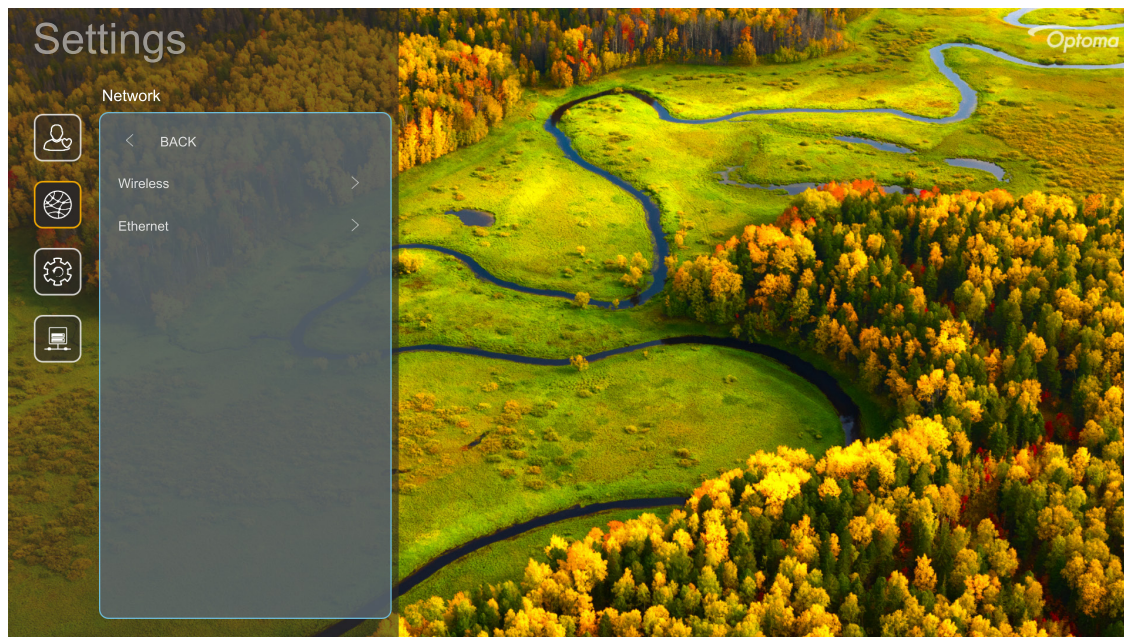
Digital Gallery (Bộ sưu tập ảnh kỹ thuật số)

Làm trống màn hình khi máy chiếu đang ở chế độ chờ sau một khoảng thời gian dài.

- **Digital Gallery (Bộ sưu tập ảnh kỹ thuật số):** Chọn “On (Bật)” để bật chức năng Bộ sưu tập ảnh kỹ thuật số.
- **Start after (Bắt đầu sau):** Đặt thời gian chờ trước khi kích hoạt chức năng Bộ sưu tập ảnh kỹ thuật số.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu mạng



Wireless (Không dây)

Định cấu hình cài đặt mạng không dây.

- **Wi-Fi:** Cài tùy chọn Wi-Fi sang “On (Bật)” để bật tính năng mạng không dây.
- **Available Networks (Mạng khả dụng):** Chọn Bộ thu phát không dây mong muốn và nhập hoặc định cấu hình các thông số kết nối cần thiết (nếu cần), ví dụ: mật khẩu, cài đặt proxy và địa chỉ IP. Để biết thông tin, bạn có thể xem lại cường độ tín hiệu.

Chọn “Cancel (Hủy)” để trở về menu Mạng mà không cần lưu các cài đặt. Chọn “Forget (Quên)” để xóa cấu hình mạng không dây.

Lưu ý: Bất cứ khi nào bạn cần nhập các biểu tượng, hệ thống sẽ tự động bật lên bàn phím ảo.

- **Other Options (Tùy chọn khác):** Định cấu hình cài đặt mạng không dây nâng cao, chẳng hạn như “Connect via WPS (Kết nối qua WPS)”, “Connect via WPS (Enter PIN) (Kết nối qua WPS (Nhập mã PIN))”, “Add New Network (Thêm mạng mới)” (hãy nhập tên mạng theo cách thủ công) và “Portable Hotspot (Hotspot di động)” (định cấu hình máy chiếu để hoạt động như một Access Point không dây cho các thiết bị khác).

Ethernet

Định cấu hình cài đặt mạng.

Lưu ý: Đảm bảo bạn đã kết nối máy chiếu với mạng cục bộ (LAN). Hãy tham khảo trang 15.

- **Status (Trạng thái):** Hiển thị tình trạng kết nối mạng (chỉ đọc).
- **MAC Address (Địa chỉ MAC):** Hiển thị địa chỉ MAC (chỉ đọc).
- **Proxy Settings (Cài đặt proxy):** Cung cấp thông tin tên máy chủ proxy, cổng kết nối và tên miền proxy nhánh theo cách thủ công nếu được yêu cầu.
- **IP Settings (Cài đặt IP):** Bật DHCP nếu bạn muốn máy chiếu tự động nhận địa chỉ IP và các thông số kết nối khác từ mạng. Tắt DHCP nếu bạn muốn gán địa chỉ IP, cổng, độ dài mã đầu mạng và các thông số DNS theo cách thủ công.
- **Reset (Thiết lập lại):** Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt mạng.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hệ thống



Keyboard (Bàn phím)

Chọn ngôn ngữ bàn phím.

Date and Time (Ngày giờ)

Định cấu hình cài đặt ngày giờ.

- **Select time zone (Lựa chọn):** Chọn múi giờ tại địa điểm của bạn.
- **Daylight Saving Time (Giờ mùa hè):** Cài sang “On (Bật)” để hiển thị thời gian theo định dạng 24 giờ. Cài sang “Off (Tắt)” để hiển thị thời gian theo định dạng 12 giờ (Sáng/Tối).
- **Use 24-hour format (Dùng định dạng 24 giờ):** Chọn định dạng ngày ưa thích.

System Update (Cập nhật hệ thống)

Hệ thống sẽ tự động dò tìm các bản cập nhật mỗi khi máy chiếu được kết nối với Internet (OTA).

Internal Storage (Bộ nhớ trong)

Xem hoạt động sử dụng bộ nhớ trong.

Legal (Pháp lý)

Hãy xem lại các tài liệu pháp lý bao gồm “Terms and Conditions of Use (Điều khoản và điều kiện sử dụng)”, “Privacy Policy (Chính sách quyền riêng tư)” và “Cookies Policy (Chính sách cookie)”.

Lưu ý: Bạn cũng có thể xem lại các tài liệu pháp lý qua mạng. Hãy tham khảo các địa chỉ web sau:

- Terms and Conditions of Use (Điều khoản và điều kiện sử dụng): <https://www.optoma.com/terms-conditions/>.
- Cookies Policy (Chính sách cookie): <https://www.optoma.com/cookies-policy/>.
- Privacy Policy (Chính sách quyền riêng tư): <https://www.optoma.com/software-privacy-policy/>.

Menu Điều khiển

LAN Control (Điều khiển LAN)

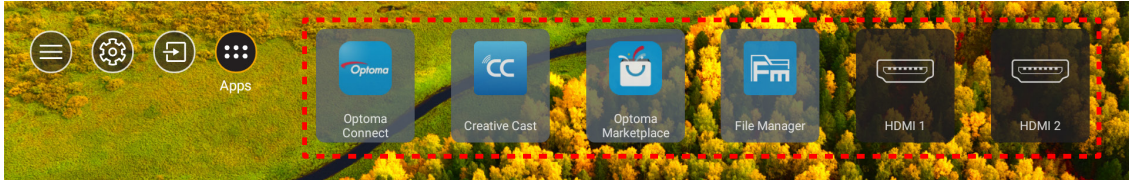
- **Smart Home (Ngôi nhà thông minh):** Đặt thành “Off (Tắt)” để tắt mọi nút điều khiển qua “IoT”, kể cả “InfoWall”.


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

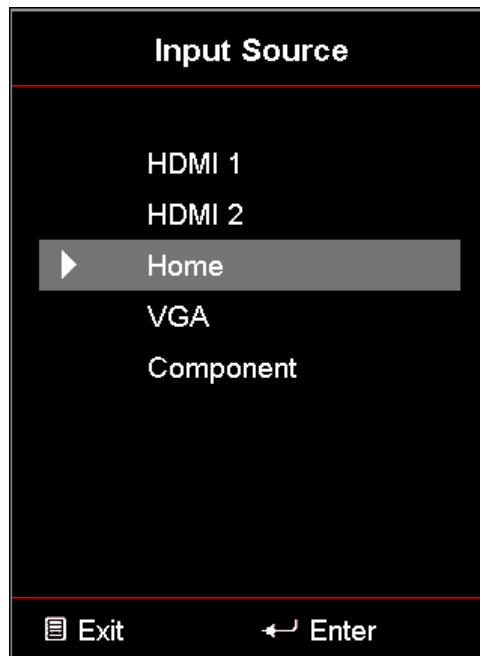
Chọn nguồn vào

Bạn có thể chọn bất kỳ nguồn đầu vào nào trực tiếp trên màn hình chính bằng phím tắt đầu vào.

Lưu ý: Bạn có thể cá nhân hóa cài đặt phím tắt trong “Menu cài đặt hệ thống → Personalize (Cá nhân hóa) → Home Shortcuts (Phím Tắt Trang Chủ)”. Bạn cũng có thể sửa đổi trình tự phím tắt trên màn hình chính.



Nếu nguồn đầu vào mong muốn không hiển thị trên màn hình chính, chọn “” để xem mọi tùy nhận đầu vào. Sau đó chọn nguồn tín hiệu vào hoặc chọn “Màn hình chính” để quay lại màn hình chính.

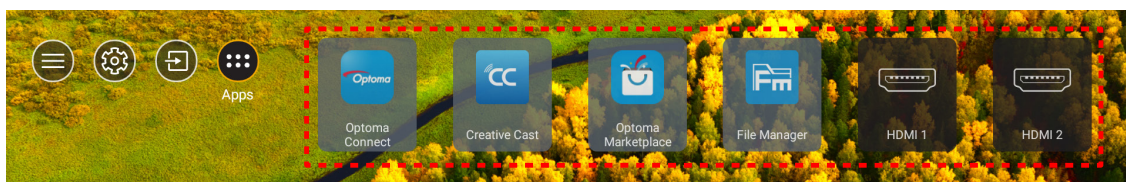


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

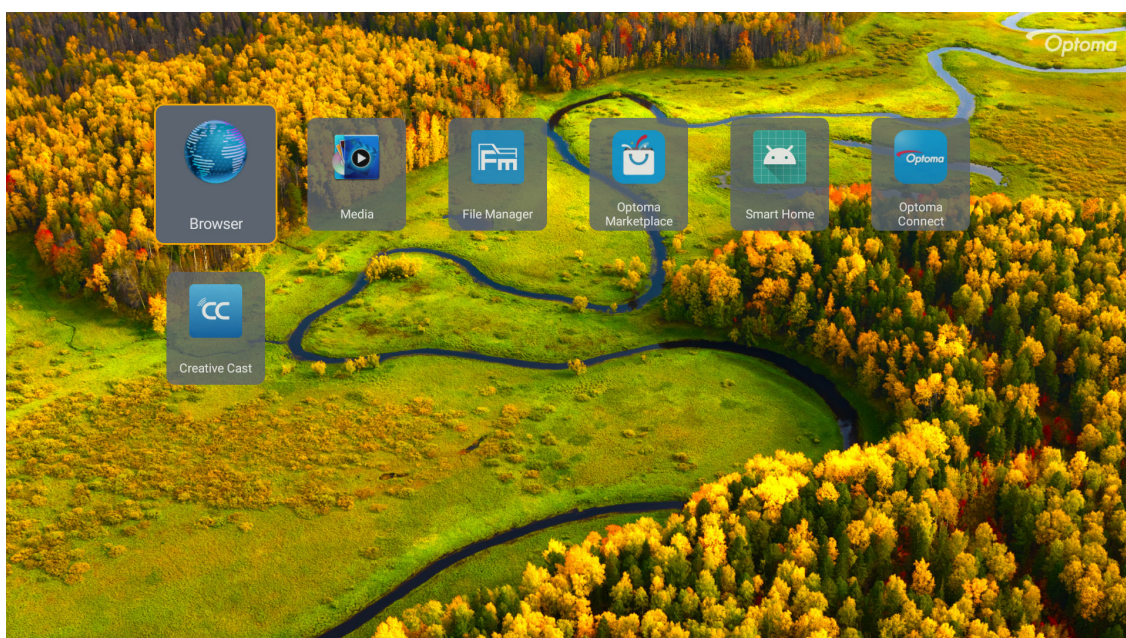
Chọn ứng dụng

Bạn có thể chọn bất kỳ ứng dụng nào trực tiếp trên màn hình chính bằng phím tắt ứng dụng.

Lưu ý: Bạn có thể cá nhân hóa cài đặt phím tắt trong “Menu cài đặt hệ thống → Personalize (Cá nhân hóa) → Home Shortcuts (Phím Tắt Trang Chủ)”.



Nếu ứng dụng mong muốn không hiển thị trên màn hình chính, chọn “⋮” để xem mọi ứng dụng đã cài đặt. Sau đó chọn ứng dụng mong muốn.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

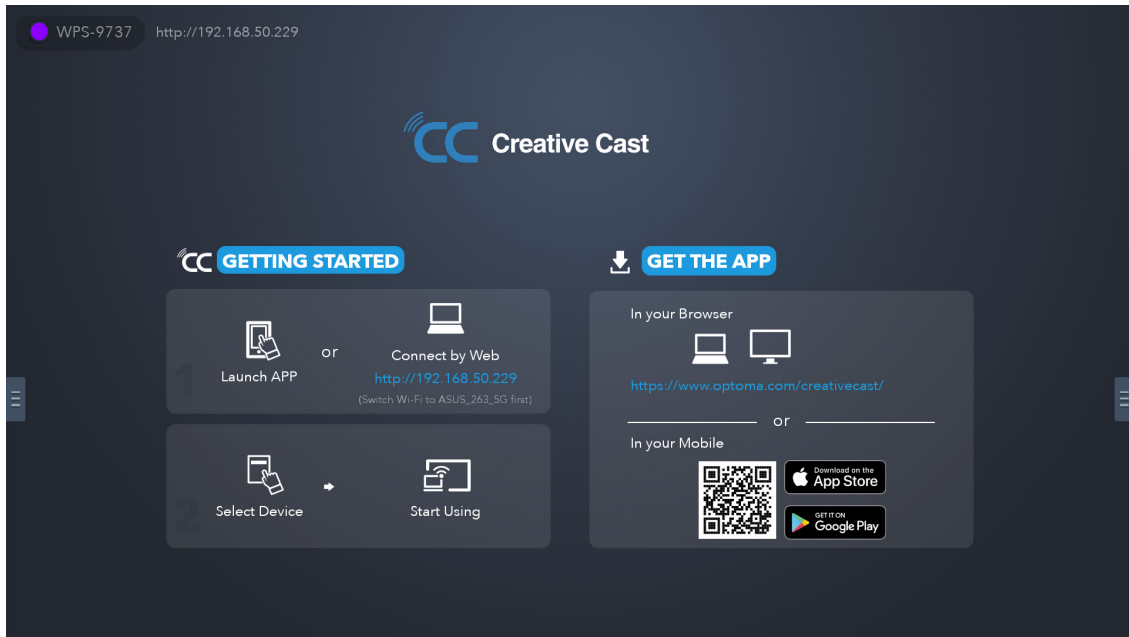
Creative Cast

Để nhận App, bạn có thể:

- nếu bạn dùng thiết bị di động, hãy quét mã QR trên màn hình.
- nếu bạn dùng máy tính, hãy đi tới đường dẫn.

Sau đó cài đặt ứng dụng Creative Cast trên máy tính của bạn hoặc trên thiết bị di động.

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo rằng máy tính hoặc thiết bị di động của bạn cũng được kết nối cùng mạng Wi-Fi với máy chiếu. Sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình để vận hành App.

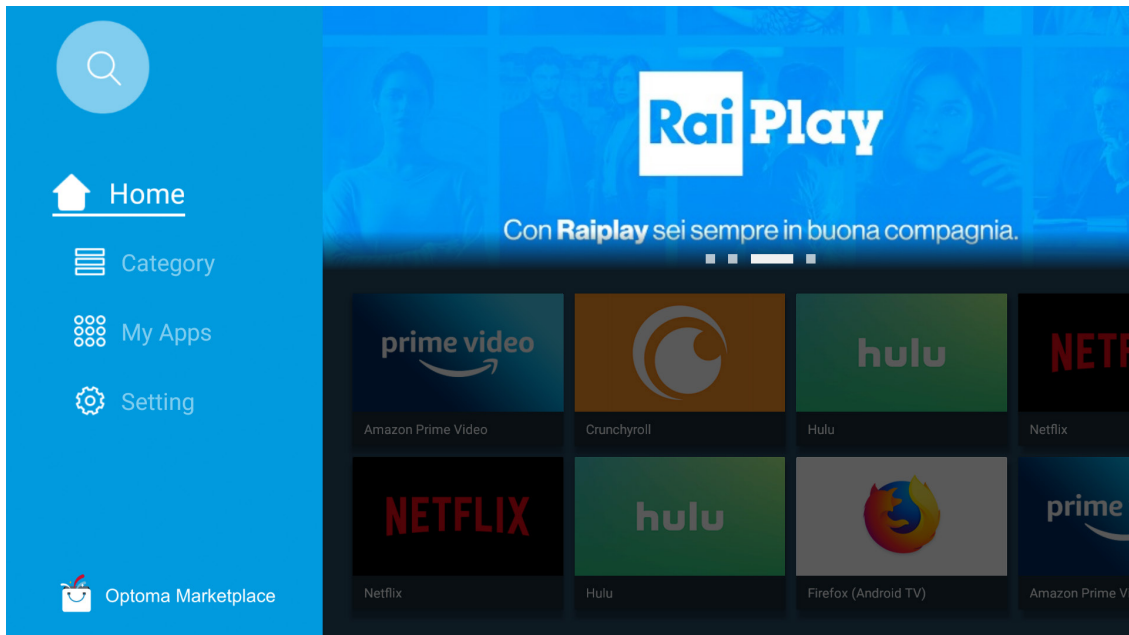


Lưu ý: Đối với kích hoạt lần đầu cho chức năng trình chiếu màn hình của iOS, hãy đảm bảo rằng máy chiếu được kết nối mạng, sau đó chạy app Creative Cast. Bạn chỉ cần phải thực hiện bước kích hoạt này một lần, và sau khi đã thiết lập kết nối lần đầu, những lần sau bạn sẽ không cần phải mở ứng dụng Creative Cast để sử dụng chức năng trình chiếu màn hình của iOS nữa.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

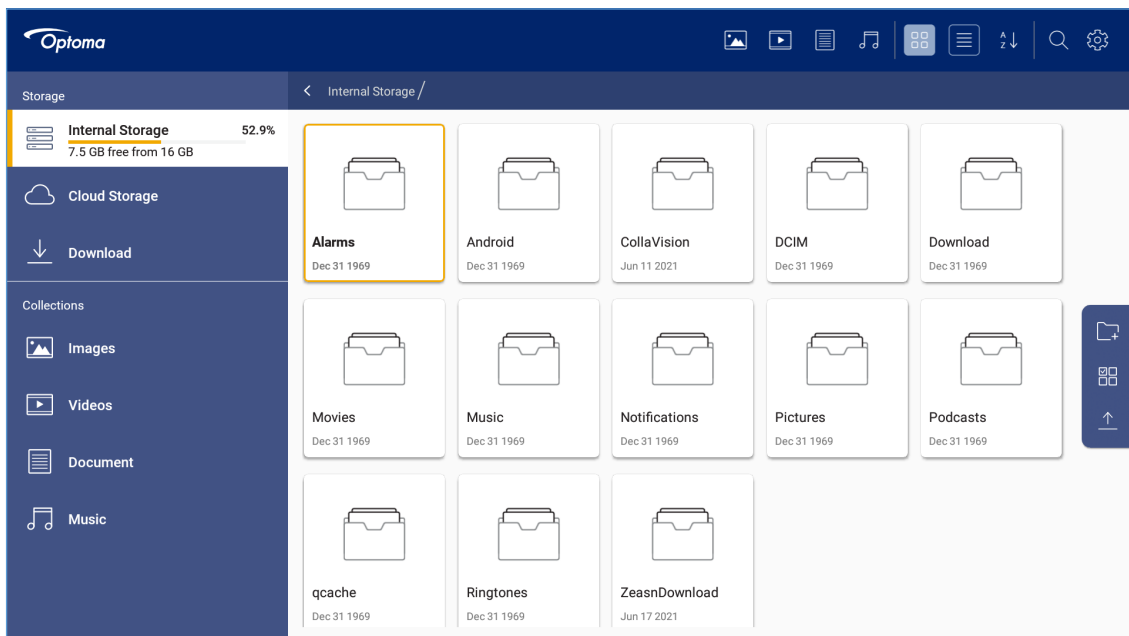
Optoma Marketplace

Với ứng dụng Optoma Marketplace, bạn có thể tìm và cài đặt bất cứ App nào.



Quản lý tệp tin

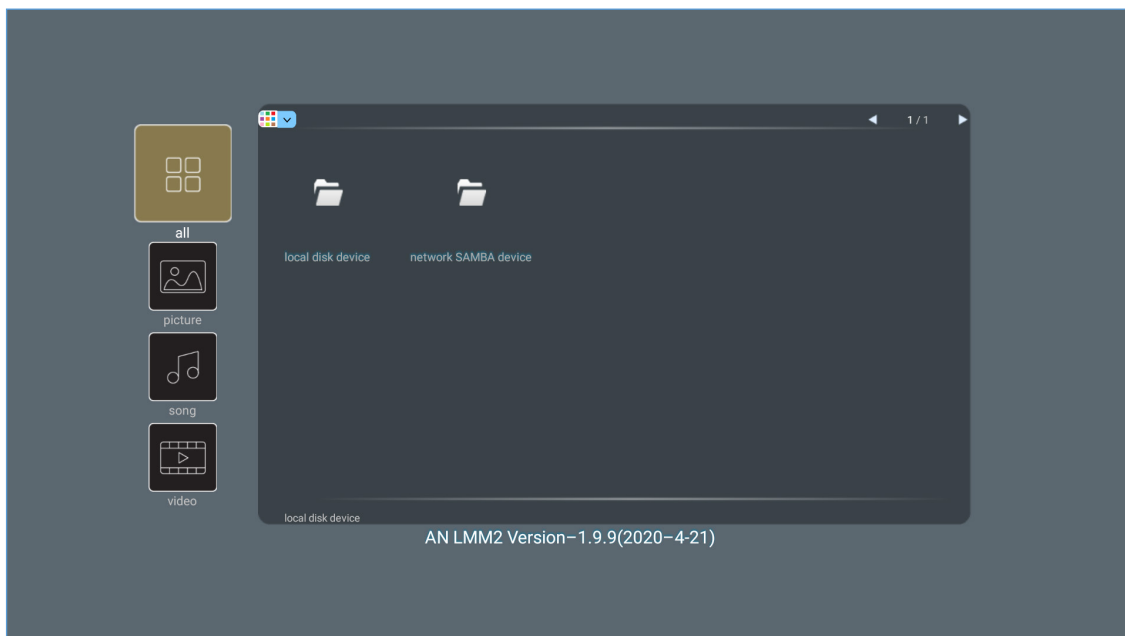
Với app Quản lý tệp tin, bạn có thể quản lý các tệp được lưu trữ trong bộ nhớ trong, bộ nhớ gắn ngoài và lưu trữ đám mây.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Phương tiện

Với app Đa phương tiện, bạn có thể phát các tập tin đa phương tiện bằng cách cắm thiết bị lưu trữ USB chứa nội dung đa phương tiện với máy chiếu. Sau đó mở ứng dụng trình phát đa phương tiện và chọn các tập tin cần phát.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Các định dạng đa phương tiện hỗ trợ

Nếu bạn muốn phát các tập tin đa phương tiện, hãy cắm thiết bị lưu trữ USB chứa nội dung đa phương tiện với máy chiếu. Sau đó mở ứng dụng trình phát đa phương tiện và chọn các tập tin cần phát.

Máy chiếu hỗ trợ các định dạng đa phương tiện sau:

Loại media	Trình giải mã	Các định dạng tập tin hỗ trợ
Video	H.263	MOV
		3GP
		AVI
		MKV
	H.264	FLV
		MP4
		MOV
		3GP
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		ASF
		WMV
		AVI
		MKV
		HEVC/H.265
	MOV	
	Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)	
	MKV	
	MPEG1/2	Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		MP4
		AVI
		MKV
	MPEG4	MP4
		MOV
		3GP
		AVI
		MKV
	JPEG động	AVI
MP4		
MOV		
AVS	MP4	
VC1	WMV	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Loại media	Trình giải mã	Các định dạng tập tin hỗ trợ
Âm thanh	MPEG1/2 Lớp 2	AVI
		Matroska (MKV, MKA)
		MP4
		MOV
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)
	MPEG1/2/2.5 Lớp 3	MP3
		Matroska (MKV, MKA)
		MP4
	MPEG1/2/2.5 Lớp 3	MOV
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)
	AC3	AC3
		Matroska (MKV, MKA)
		MOV
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
	EAC3	MP4
		AAC
		MP4
		MOV
	AAC, HEAAC	M4A
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		WAV
		AVI
LPCM	Matroska (MKV, MKA)	
	WAV	
	AVI	
IMA-ADPCM MS-ADPM	Matroska (MKV, MKA)	
	MP4	
	FLAC	
FLAC	Matroska (MKV, MKA)	
	Photo	BMP
	15360 X 8640 (Giới hạn độ phân giải tối đa tùy thuộc vào kích thước DRAM)	

Lưu ý:

- Tất cả các tập tin đa phương tiện được liệt kê bên trên.
- Hệ thống không hỗ trợ Dolby, điều này có nghĩa là sẽ không có âm thanh khi định dạng âm thanh có truyền phát định dạng Dolby.

Hình ảnh

Loại hình ảnh (tên mở rộng)	Loại phụ	Điểm ảnh tối đa
Jpeg/Jpg	Vạch ranh giới	8000 x 8000
	Tăng dần	6000 x 4000
PNG	Không xen kẽ	6000 x 4000
	Xen kẽ	6000 x 4000
BMP		6000 x 4000

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Doc

Định dạng tài liệu	Phiên bản và định dạng hỗ trợ	Giới hạn số trang/dòng	Giới hạn kích thước
PDF	PDF 1.0 ~ 1.7 trở lên	Tối đa 1500 trang (Một tập tin)	Tối đa 100MB
Word	Tài liệu Kingsoft Writer (*.wps) Mẫu Kingsoft Writer (*.wpt) Tài liệu Microsoft Word 97/2000/XP/2003 (*.doc) Mẫu Microsoft Word 97/2000/XP/2003 (*.dot) Tập tin RTF (*.rtf) Tập tin văn bản (*.txt, *.log, *.lrc, *.c, *.cpp, *.h, *.asm, *.s, *.java, *.asp, *.prg, *.bat, *.bas, *.cmd) Tập tin trang web (*.html, *.htm) Tập tin trang web đơn (*.mht, *.mhtml) Tài liệu Microsoft Word 2007/2010 (*.docx) Mẫu Microsoft Word 2007/2010 (*.dotx) Tài liệu hỗ trợ Macro Microsoft Word 2007/2010 (*.docm) Mẫu hỗ trợ Macro Microsoft Word 2007/2010 (*.dotm) Tập tin XML (*.xml) Tài liệu OpenDocument Tài liệu Works 6-9 (*.wtf) Works 6.0&7.0 (*.wps)	Tối đa 1500 trang (Một tập tin) Vì máy chiếu WPS không tải các tập tin MS/Word cùng một lúc nên không có giới hạn rõ ràng về số trang và số dòng tập tin.	Tối đa 150MB
Excel	Tập tin Kingsoft Spreadsheets (*.et) Mẫu Kingsoft Spreadsheets (*.ett) Tập tin Workbook Microsoft Excel 97/2000/XP/2003 (*.xls) Mẫu Microsoft Excel 97/2000/XP/2003 (*.xlt) Tập tin văn bản (*.csv) Trang web (*.htm, *.html) Tập tin XML (*.xml) Tập tin Microsoft Excel 2007/2010 (*.xlsx, *.xlsm) Mẫu Microsoft Excel 2007/2010 (*.xltx) Tập tin Workbook nhị phân Microsoft Excel 2007/2010 (*.xlsb)	Giới hạn giống: tối đa 65.535 Giới hạn cột: tối đa 256 tờ: tối đa 200	Tối đa 30MB
PowerPoint	Tập tin Kingsoft Presentation (*.dps) Mẫu Kingsoft Presentation (*.dpt) Chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 97/2000/XP/2003 (*.ppt, *.pps) Mẫu chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 97/2000/XP/2003 (*.pot) Chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 2007/2010 (*.pptx, *.ppsx) Mẫu chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 2007/2010 (*.potx)	Tối đa 1500 trang (Một tập tin)	Tối đa 30MB

Lưu ý:

- Việc giải mã có thể mất một ít thời gian đối với các tập tin lớn có nội dung phức tạp.
- Không thể kích hoạt hoặc xem các đối tượng nhúng trong các tập tin.

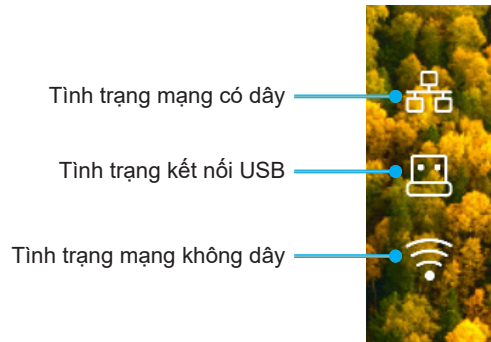
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- *Đối với Microsoft Word*
 - Không hỗ trợ cho cài đặt nâng cao, như trình bổ sung bản vẽ hoặc cài đặt phông nền bảng biểu.
 - Nội dung nằm ngoài các viền xác định trong Microsoft Word sẽ không hiển thị.
 - Không hỗ trợ Chữ đậm ở phông chữ tiếng Trung Giản thể
- *Đối với Microsoft PowerPoint*
 - Không hỗ trợ các hiệu ứng bản chiếu.
 - Các bảng tính bảo vệ bằng mật khẩu không được bảo vệ.
 - Ảnh động Powerpoint không hỗ trợ.
- *Đối với Microsoft Excel*
 - Các bảng tính hiển thị riêng lẻ và theo trình tự khi workbook có nhiều bảng tính.
 - Bố cục và đánh số trang có thể được thay đổi trong khi giải mã.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Xem thanh trạng thái

Theo mặc định, thanh trạng thái ở màn hình chính có những biểu tượng thể hiện trạng thái kết nối theo mạng có dây, USB và mạng không dây. Bạn có thể chọn bất kỳ biểu tượng nào để mở menu liên quan. Chọn biểu tượng trạng thái có dây hoặc không dây cho phép mở menu cấu hình mạng, trong khi chọn biểu tượng trạng thái USB cho phép mở trình duyệt và hiển thị nội dung của thiết bị USB vừa kết nối.



Trợ lý Alexa / Google

Máy chiếu này hỗ trợ tính năng điều khiển bằng giọng nói như Trợ lý Alexa / Google.

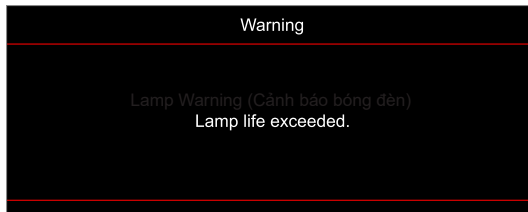
Người dùng có thể tìm kiếm các từ khóa bằng “Optoma connect & alexa” và “Optoma connect & google assistant” để biết hướng dẫn cài đặt Alexa và Google trên trang web bằng cách nhấp vào đường dẫn sau:

- [App Optoma Connect - Hướng dẫn cài đặt Alexa](#)
- [App Optoma Connect - Hướng dẫn cài đặt Google](#)

BẢO DƯỠNG

Thay đèn (Chỉ dành cho nhân viên bảo trì)

Máy chiếu sẽ tự động phát hiện tuổi thọ bóng đèn và khi bóng đèn hết hạn sử dụng, một tin cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình.



Khi tin cảnh báo này hiển thị, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm bảo hành tại địa phương của bạn để thay bóng đèn càng sớm càng tốt. Trước khi thay bóng đèn, nhớ tắt máy chiếu, rút dây nguồn và đảm bảo máy chiếu đã nguội ít nhất 30 phút và nguội hoàn toàn sau đó.



Cảnh báo: Nếu gắn trên trần nhà, hãy thận trọng khi mở ngăn tiếp cận đèn. Bạn nên đeo găng tay bảo hộ khi thay bóng đèn gắn trên trần nhà. Phải thận trọng để phòng các chi tiết lỏng lẻo rơi ra khỏi máy chiếu.



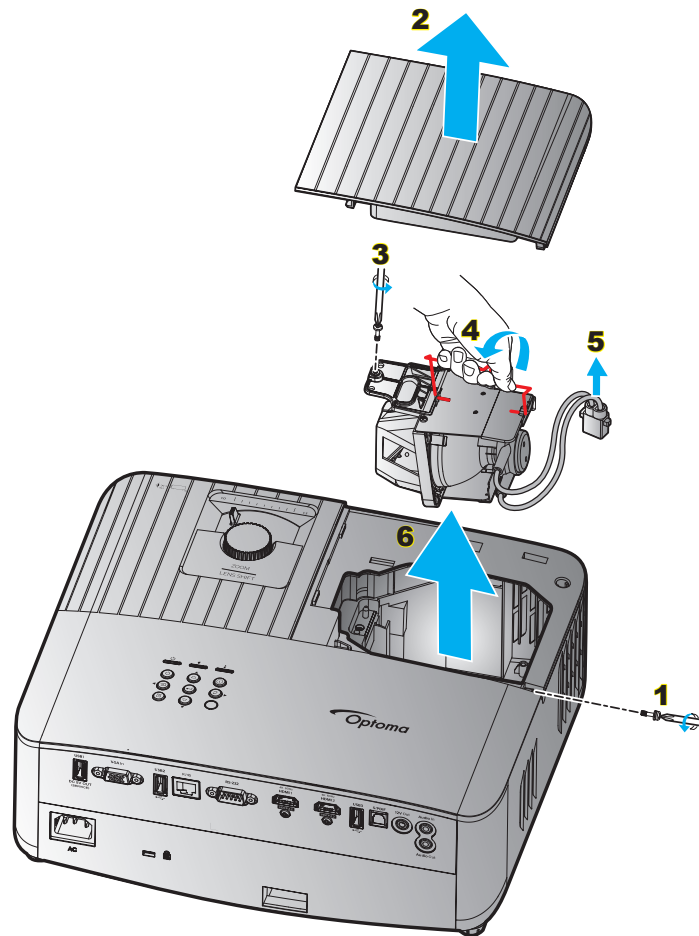
Cảnh báo: Hốc đèn nóng! Hãy chờ nó nguội trước khi thay bóng đèn!



Cảnh báo: Để giảm rủi ro thương tích cá nhân, không làm rơi cụm đèn hoặc chạm vào bóng đèn. Bóng đèn có thể vỡ và gây thương tích nếu bị rơi.

BẢO DƯỠNG

Thay đèn mới (tiếp theo)



Quy trình:

1. Tắt nguồn máy chiếu bằng cách nhấn nút "⏻" trên bàn phím máy chiếu hoặc nút "⏻" trên điều khiển từ xa.
2. Chờ máy chiếu nguội ít nhất 30 phút.
3. Ngắt dây nguồn.
4. Tháo ốc vít cố định nắp trên. **1**
5. Tháo nắp đậy khoang đèn. **2**
6. Tháo ốc vít trên cụm đèn. **3**
7. Nâng tay cầm đèn lên. **4**
8. Tháo dây đèn. **5**
9. Cẩn thận tháo cụm đèn ra. **6**
10. Để thay cụm đèn, làm ngược trình tự các bước trước.
11. Bật máy chiếu và cài lại đồng hồ đèn.
12. Thiết lập lại đèn: (i) Nhấn "Menu" → (ii) Chọn "Setup (Cài Đặt)" → (iii) Chọn "Lamp Settings (Các chế độ của bóng đèn)" → (iv) Chọn "Lamp Reset (Thiết lập lại đèn)" → (v) Chọn "Yes (Có)".

Lưu ý:

- Không thể bật máy chiếu nếu nắp đậy đèn chưa được lắp trở lại máy chiếu.
- Không chạm vào vùng thủy tinh của bóng đèn. Dầu trên tay có thể làm vỡ đèn. Sử dụng khăn khô để lau cụm đèn nếu vô tình chạm vào đèn.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Độ phân giải tương thích

Tương thích video

Tín hiệu	Độ phân giải
SDTV	480i/p, 576i/p
HDTV	720p (50/60Hz), 1080i (50/60Hz), 1080p (24/50/60Hz)
UHD	2160p (24/50/60Hz)

Định giờ video chi tiết:

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Ghi chú
SDTV (480i)	640 x 480	60	Dùng cho Component
SDTV (480p)	640 x 480	60	
SDTV (576i)	720 x 576	50	
SDTV (576p)	720 x 576	50	
HDTV (720p)	1280 x 720	50/60	
HDTV (1080i)	1920 x 1080	50/60	
HDTV (1080p)	1920 x 1080	24/50/60	
UHD (2160p)	3840 x 2160	24/50/60	Cho 4K UHD

Tương thích với máy tính

Tiêu chuẩn VESA (Tín hiệu máy tính (tương thích RGB Analog)):

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
SVGA	800 x 600	56/60/72	Mac 60/72
XGA	1024 x 768	60/70/75	Mac 60/70/75
HDTV(720p)	1280 x 720	50/60	Mac 60
WXGA	1280 x 768	60/75	Mac 60/75
WXGA	1280 x 800	60	Mac 60
WXGA	1366 x 768	60	Mac 60
WXGA+	1440 x 900	60	Mac 60
SXGA	1280 x 1024	60/75	Mac 60/75
UXGA	1600 x 1200	60	
HDTV(1080p)	1920 x 1080	24/50/60	Mac 60
WUXGA	1920 x 1200 (*)	60	Mac 60

Lưu ý: (*) 1920 x 1200 @60Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).

THÔNG TIN BỔ SUNG

Bảng định giờ cho PC:

Tín hiệu	Độ phân giải	Tần số ngang	Ti lệ làm mới	Video	Kỹ thuật số	Tương tự	Ghi chú
		(KHz)	(Hz)				
SVGA	800 x 600	35.2	56	Không có	√	√	56Hz
SVGA	800 x 600	37.9	60	Không có	√	√	60Hz
SVGA	800 x 600	46.9	75	Không có	√	√	Không có
SVGA	800 x 600	48.1	72	Không có	√	√	72Hz
SVGA	800 x 600	53.7	85	Không có	√	√	85Hz
SVGA	832 x 624	49.72	75	Không có	√	√	Không có
XGA	1024 x 768	48.4	60	Không có	√	√	Không có
XGA	1024 x 768	56.5	70	Không có	√	√	70Hz
XGA	1024 x 768	60	75	Không có	√	√	Không có
XGA	1024 x 768	68.7	85	Không có	√	√	Không có
XGA	1024 x 768	97.551	120	Không có	Không có	√	Không có
SXGA	1152 x 864	67.5	75	Không có	√	√	Không có
HD720	1280 x 720	37.5	50	Không có	√	√	Không có
HD720	1280 x 720	45	60	Không có	√	√	Không có
HD720	1280 x 720	92.62	120	Không có	Không có	√	Không có
WXGA-800	1280 x 800	49.702	60	Không có	√	√	Không có
SXGA	1280 x 1024	64	60	Không có	√	√	Không có
SXGA	1280 x 1024	80	75	Không có	√	√	Không có
SXGA+	1400 x 1050	65.317	60	Không có	Không có	√	Không có
UXGA	1600 x 1200	75	60	Không có	√	√	Không có
HD1080	1920 x 1080	27	24	Không có	√	√	Không có
HD1080	1920 x 1080	56.25	50	Không có	√	√	Không có
HD1080	1920 x 1080	67.5	60	Không có	√	√	Không có
WUXGA	1920 x 1200	74.038	60	Không có	√	√	RB
HDTV	1920 x 1080i	28.1	50	√	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080i	33.75	60	√	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p	27	24	√	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p	56.25	50	√	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p	67.5	60	√	√	√	Không có
HDTV	1280 x 720	45	60	√	√	Không có	Không có
HDTV	1280 x 720p	67.5	50	√	√	√	Không có
HDTV	1280 x 720p	45	60	√	√	√	Không có
SDTV	720 x 576	31.3	50	√	√	Không có	Không có
SDTV	720 x 576i	15.6	50	√	√	√	Không có
SDTV	720 x 576p	31.3	50	√	√	√	Không có
SDTV	720 x 480	31.5	60	√	√	Không có	Không có
SDTV	720 x 480i	15.7	60	√	√	√	Không có
SDTV	720 x 480p	31.5	60	√	√	√	Không có

Lưu ý: “√” nghĩa là độ phân giải được hỗ trợ, “Không có” nghĩa là độ phân giải không được hỗ trợ.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Tín hiệu đầu vào cho HDMI

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
SVGA	800 x 600	60/75	Mac 60/75
XGA	1024 x 768	60/70/75/120	Mac 60/70/75
SDTV(480i)	640 x 480	60	
SDTV(480p)	640 x 480	60	
SDTV(576i)	720 x 576	50	
SDTV(576p)	720 x 576	50	
HDTV(720p)	1280 x 720	50(*2)/60	Mac 60
WXGA	1280 x 768	60/75/85	Mac 75
WXGA	1280 x 800	60/120	Mac 60
WXGA(*2)	1366 x 768	60	
WXGA+	1440 x 900	60/120(RB)	Mac 60
SXGA	1280 x 1024	60/75/85	Mac 60/75
SXGA+	1400 x 1050	60/85	
UXGA	1600 x 1200	60/65/70/75/85	
HDTV(1080i)	1920 x 1080	50/60	
HDTV(1080p)	1920 x 1080	24/30/50/60/120	Mac 60
WUXGA	1920 x 1200(*1)	60	Mac 60RB
WQHD	2560 x 1440	60RB	
UHD(2160p)	3840 x 2160	24/30/50/60	Mac 24/30
UHD(2160p)	4096 x 2160	24/30/50/60	Mac 24

Lưu ý:

- (*1) 1920 x 1200 @60Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).
- (*2) Định giờ tiêu chuẩn Windows 10.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Bảng Extended Display Identification Data (EDID)

Tín hiệu analog

Độ phân giải thực tín hiệu analog: 1920 x 1080 @ 60Hz

B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chi tiết	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
800 x 600 @ 56Hz	1280 x 720 @ 60Hz	1920 x 1080 @ 60Hz (Tự nhiên)		1366x768 @ 60Hz
800 x 600 @ 60Hz	1280 x 800 @ 60Hz			
800 x 600 @ 72Hz	1280 x 1024 @ 60Hz			
800 x 600 @ 75Hz	1920 x 1200 @ 60Hz			
832 x 624 @ 75Hz	800 x 600 @ 120Hz			
1024 x 768 @ 70Hz	1280 x 800 @ 120Hz			
1024 x 768 @ 75Hz				
1280 x 1024 @ 75Hz				
1152 x 870 @ 75Hz				

Tín hiệu số (HDMI 2.0) - HDMI1

Độ phân giải thực tín hiệu kỹ thuật số: 3840 x 2160 @ 60Hz

B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chuẩn	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
800 x 600 @ 56Hz	1280 x 720 @ 60Hz	3840 x 2160 @ 60Hz (mặc định)	1920 x 1080 @ 120Hz	1366 x 768 @ 60Hz
800 x 600 @ 60Hz	1280 x 800 @ 60Hz		720 x 480p @ 60Hz 4:3	1920 x 1080 @ 240Hz
800 x 600 @ 72Hz	1280 x 1024 @ 60Hz		720 x 576p @ 50Hz 4:3	
800 x 600 @ 75Hz	1920 x 1200 @ 60Hz		1920 x 1080i @ 60Hz 16:9	
832 x 624 @ 75Hz	800 x 600 @ 120Hz		1920 x 1080i @ 50Hz 16:9	
1024 x 768 @ 60Hz	1024 x 768 @ 120Hz		1920 x 1080p @ 60Hz 16:9	
1024 x 768 @ 70Hz	1280 x 800 @ 120Hz		1920 x 1080p @ 50Hz 16:9	
1024 x 768 @ 75Hz			1920 x 1080p @ 24Hz 16:9	
1280 x 1024 @ 75Hz			3840 x 2160 @ 24Hz	
1152 x 870 @ 75Hz			3840 x 2160 @ 25Hz	
			3840 x 2160 @ 30Hz	
			3840 x 2160 @ 50Hz	
			3840 x 2160 @ 60Hz	
			4096 x 2160 @ 24Hz	
			4096 x 2160 @ 25Hz	
			4096 x 2160 @ 30Hz	
			4096 x 2160 @ 50Hz	
			4096 x 2160 @ 60Hz	
			720 x 480p @ 60Hz 16:9	
			1280 x 720p @ 60Hz 16:9	
			720 x 576p @ 60Hz 16:9	
			1280x 720p @ 60Hz 16:9	

Lưu ý: Hỗ trợ 1920 x 1080 ở tần số 50Hz

THÔNG TIN BỔ SUNG

Tín hiệu số (HDMI 2.0) - HDMI2

Độ phân giải thực tín hiệu kỹ thuật số: 3840 x 2160 @ 60Hz

B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chuẩn	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
800 x 600 @ 56Hz	1280 x 720 @ 60Hz	3840 x 2160 @ 60Hz (mặc định)	1920 x 1080 @ 120Hz	1920 x 1080 @ 240Hz
800 x 600 @ 72Hz	1280 x 800 @ 60Hz		720 x 480p @ 60Hz 4:3	
800 x 600 @ 75Hz	1280 x 1024 @ 60Hz		720 x 576p @ 50Hz 4:3	
832 x 624 @ 75Hz	1920 x 1200 @ 60Hz		1920 x 1080i @ 60Hz 16:9	
1024 x 768 @ 60Hz	800 x 600 @ 120Hz		1920 x 1080i @ 50Hz 16:9	
1024 x 768 @ 70Hz	1024 x 768 @ 120Hz		1920 x 1080p @ 60Hz 16:9	
1024 x 768 @ 75Hz	1280 x 800 @ 120Hz		1920 x 1080p @ 50Hz 16:9	
1280 x 1024 @ 75Hz			1920 x 1080p @ 24Hz 16:9	
1152 x 870 @ 75Hz			3840 x 2160 @ 24Hz	
			3840 x 2160 @ 25Hz	
			3840 x 2160 @ 30Hz	
			3840 x 2160 @ 50Hz	
			3840 x 2160 @ 60Hz	
			4096 x 2160 @ 24Hz	
			4096 x 2160 @ 25Hz	
			4096 x 2160 @ 30Hz	
			4096 x 2160 @ 50Hz	
			4096 x 2160 @ 60Hz	
			720 x 480p @ 60Hz 16:9	
			1280 x 720p @ 60Hz 16:9	
			720 x 576p @ 60Hz 16:9	
			1280x 720p @ 60Hz 16:9	

Lưu ý: Hỗ trợ lấy mẫu phụ sắc độ:

- 4K@60/50Hz YUV 4:2:0 12bit / RGB 4:4:4 8bit
- 4K@30Hz YUV/RGB 4:4:4 12bit

THÔNG TIN BỔ SUNG

Định giờ 3D

Cho Blu-ray 3D (HDMI 1.4a):

2D hỗ trợ tốc độ khung hình	Định giờ	Định dạng
Tùy chọn 59/60 Hz:	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Đóng gói khung (HDMI1/HDMI2)
	1280 x 720p @ 59,94/60Hz	Đóng gói khung (HDMI1/HDMI2)
	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Trên và dưới (HDMI2/VGA)
	1280 x 720p @ 59,94/60Hz	Trên và dưới (HDMI2/VGA)
	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Hình bên cạnh hình (HDMI2/VGA)
	1280 x 720p @ 59,94/60Hz	Hình bên cạnh hình (HDMI2/VGA)
Tùy chọn 50 Hz:	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Đóng gói khung (HDMI1/HDMI2)
	1280 x 720p @ 50Hz	Đóng gói khung (HDMI1/HDMI2)
	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Trên và dưới (HDMI2/VGA)
	1280 x 720p @ 50Hz	Trên và dưới (HDMI2/VGA)
	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Hình bên cạnh hình (HDMI2/VGA)
	1280 x 720p @ 50Hz	Hình bên cạnh hình (HDMI2/VGA)

Cho PC:

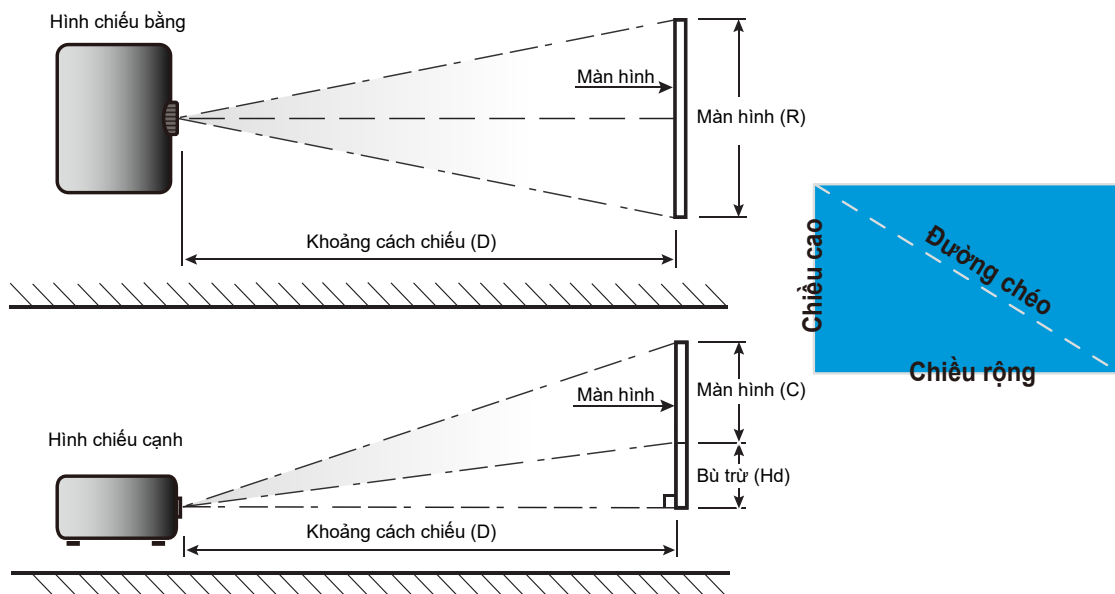
Nhập liệu	Định giờ	Định dạng
HDMI1	1920 x 1080 @ 120Hz	Khung tuần tự
	1280 x 800 @ 120Hz	Khung tuần tự
	1024 x 768 @ 120Hz	Khung tuần tự
	800 x 600 @ 120Hz	Khung tuần tự
HDMI2	1920 x 1080 @ 60Hz	Khung tuần tự
	1280 x 800 @ 120Hz	Khung tuần tự
	1280 x 720 @ 120Hz	Khung tuần tự
	1024 x 768 @ 120Hz	Khung tuần tự
VGA	1920 x 1080 @ 60Hz	Khung tuần tự
	1280 x 800 @ 120Hz	Khung tuần tự
	1280 x 720 @ 120Hz	Khung tuần tự
	1024 x 768 @ 120Hz	Khung tuần tự

THÔNG TIN BỔ SUNG

Cỡ hình và khoảng cách chiếu

Độ dài đường chéo màn hình (inch) 16:9	Cỡ màn hình Rộng x Cao				Khoảng cách chiếu (D)				Bù trừ (HD)	
	(m)		(inch)		(m)		(foot)		(m)	(foot)
	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều rộng	Chiều cao	Rộng	Xa	Rộng	Xa		
30	0,66	0,37	26,15	14,71	-	1,06	-	3,46	0,02	0,07
40	0,89	0,50	34,86	19,61	1,07	1,41	3,51	4,62	0,03	0,09
60	1,33	0,75	52,29	29,42	1,61	2,11	5,27	6,93	0,04	0,13
70	1,55	0,87	61,01	34,32	1,88	2,46	6,15	8,08	0,05	0,16
80	1,77	1,00	69,73	39,22	2,14	2,82	7,03	9,23	0,05	0,18
90	1,99	1,12	78,44	44,12	2,41	3,17	7,91	10,39	0,06	0,20
100	2,21	1,25	87,16	49,03	2,68	3,52	8,78	11,54	0,07	0,22
120	2,66	1,49	104,59	58,83	3,21	4,22	10,54	13,85	0,08	0,27
150	3,32	1,87	130,74	73,54	4,02	5,28	13,18	17,31	0,10	0,34
180	3,98	2,24	156,88	88,25	4,82	6,34	15,81	20,78	0,12	0,40
200	4,43	2,49	174,32	98,05	5,36	7,04	17,57	23,08	0,14	0,45
250	5,53	3,11	217,89	122,57	6,70	8,80	21,96	28,85	0,17	0,56
301	6,65	3,74	262,00	147,37	8,05	-	26,40	-	0,21	0,68

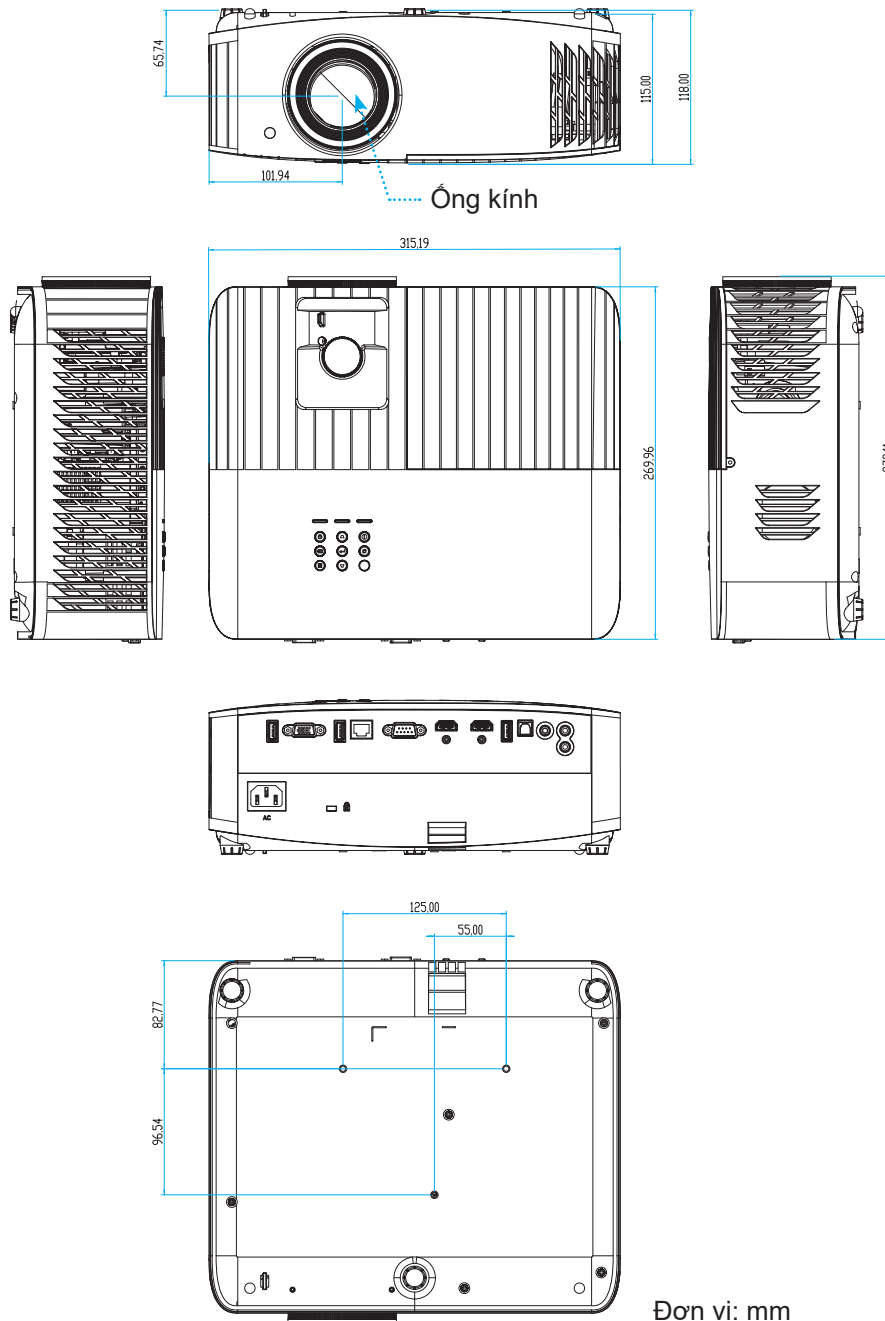
Lưu ý: Các giá trị này không chính xác và có thể chênh lệch nhẹ.



THÔNG TIN BỔ SUNG

Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần

1. Để tránh làm hư hỏng máy chiếu, hãy sử dụng giá treo trần nhà Optoma.
2. Nếu bạn muốn sử dụng bộ giá treo trần từ hãng thứ ba, hãy đảm bảo sử dụng các ốc vít để gắn giá treo vào máy chiếu đáp ứng các thông số kỹ thuật sau:
 - Loại vít: M4 dùng để gắn hai điểm hoặc M6 dùng để gắn một điểm
 - Chiều dài vít tối thiểu: 10mm



Lưu ý: Xin lưu ý rằng thiệt hại do lắp đặt máy chiếu không đúng cách sẽ không hưởng được chính sách bảo hành.



Cảnh báo:

- Nếu bạn mua giá treo trần nhà của công ty khác, hãy nhớ sử dụng đúng cỡ ốc vít. Cỡ ốc vít sẽ thay đổi tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.
- Hãy nhớ chừa lại khe hở ít nhất 10 cm giữa trần nhà và đáy của máy chiếu.
- Tránh lắp đặt máy chiếu gần nguồn nhiệt.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Mã điều khiển từ xa hồng ngoại



Phím	Số phím	MTX.	Định dạng	Data0	Data1	Data2	Data3	Mô tả	
Bật/tắt nguồn		K12	04	F1	32	CD	71	8E	Xem phần "Bật/tắt nguồn máy chiếu" ở trang 19.
Nguồn		K3	11	F1	32	CD	18	E7	Nhấn để chọn tín hiệu đầu vào.
Màn hình chính		K13	03	F1	32	CD	92	6D	Nhấn để trở về màn hình chính.
Menu		K8	17	F1	32	CD	0E	F1	Nhấn để mở menu hiển thị trên màn hình (OSD). Để thoát menu OSD, nhấn lại .
Quay lại		K4	10	F1	32	CD	86	79	Nhấn để trở về trang trước.
Lên		K7	18	F2	32	CD	11	EE	Sử dụng để chọn mục hoặc điều chỉnh lựa chọn của bạn.
Trái		K14	02	F2	32	CD	10	EF	
Phải		K5	09	F2	32	CD	12	ED	
Xuống		K2	19	F2	32	CD	14	EB	
Nhập	Enter	K9	16	F1	32	CD	0F	F0	Xác nhận lựa chọn mục của bạn.
Tắt tiếng		K15	01	F1	32	CD	52	AD	Nhấn để tắt/bật loa tích hợp tích hợp trên máy chiếu.
Chế độ hiển thị		K10	15	F1	32	CD	91	6E	Nhấn để hiển thị menu Chế độ hiển thị. Để thoát menu Chế độ hiển thị, nhấn lại .
Lựa chọn		K6	08	F1	32	CD	25	DA	Nhấn để định cấu hình cài đặt Smart TV.
Âm lượng -	-	K11	12	F2	32	CD	0C	F3	Nhấn - để giảm âm lượng.
Âm lượng +	+	K1	05	F2	32	CD	09	F6	Nhấn + để tăng âm lượng.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Khắc phục sự cố

Nếu bạn gặp một sự cố với máy chiếu, vui lòng tham khảo thông tin dưới đây. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ địa phương.

Các sự cố về hình ảnh

- [?]** *Không có hình ảnh trên màn hình*

 - Đảm bảo mọi cáp và kết nối nguồn đều được cắm đúng và chắc chắn như được mô tả trong phần "Cài đặt".
 - Đảm bảo tất cả các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.
 - Kiểm tra xem đèn chiếu có được lắp chắc chắn không. Vui lòng tham khảo phần "Thay mới đèn" ở trang 59-60.
 - Đảm bảo chưa bật tính năng "Chặn AV".

- [?]** *Hình ảnh lệch tiêu điểm*

 - Điều chỉnh vòng chỉnh tiêu điểm trên thấu kính của máy chiếu. Vui lòng xem trang 16.
 - Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu với máy chiếu. (Vui lòng tham khảo trang 67).

- [?]** *Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề 16:9 DVD*

 - Khi bạn phát DVD tiệm biến hay DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16:9 ở bên máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng LBX, hãy thay đổi định dạng sang LBX trong OSD của máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
 - Vui lòng thiết lập định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.

- [?]** *Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn*

 - Hãy điều chỉnh cần thu phóng nằm bên trên máy chiếu.
 - Đặt máy chiếu gần hoặc xa màn chiếu hơn.
 - Nhấn "Menu" trên bảng điều khiển máy chiếu, truy cập "Display (Hiển thị)-->Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)". Thử dùng các cài đặt khác.

- [?]** *Hình ảnh có các mặt nghiêng:*

 - Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa màn hình và thấp hơn đáy của màn hình.

- [?]** *Hình ảnh bị đảo ngược*



 - Chọn "Setup (Cài Đặt)-->Projection (Trình chiếu)" từ menu OSD và điều chỉnh hướng chiếu.

- [?]** *Hình ảnh kép, mờ*


 - Đảm bảo "Display Mode (Chế độ hiển thị)" không phải là 3D để tránh hình 2D có vẻ như là hai ảnh bị nhòe.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Các sự cố khác

-  *Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển*
 - Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.
-  *Bóng đèn cháy hoặc phát nổ*
 - Khi bóng đèn hết tuổi thọ sử dụng, nó sẽ cháy và có thể phát ra tiếng nổ lớn. Nếu điều này xảy ra, máy chiếu sẽ không bật cho đến khi cụm đèn đã được thay. Để thay mới đèn, hãy thực hiện theo quy trình trong phần "Thay mới đèn" ở trang 59-60.

Các sự cố về bộ điều khiển từ xa

-  *Nếu điều khiển từ xa không hoạt động*
 - Kiểm tra xem góc hoạt động của điều khiển từ xa có hướng vào bộ thu hồng ngoại trên máy chiếu một góc $\pm 15^\circ$ (nằm ngang) và $\pm 10^\circ$ (nằm dọc) hay không.
 - Đảm bảo không có bất kỳ vật cản nào giữa điều khiển từ xa và máy chiếu. Di chuyển trong phạm vi 7 mét (khoảng 22 foot) tính từ máy chiếu.
 - Đảm bảo pin được lắp đúng cách.
 - Thay pin nếu pin đã cạn.

Chỉ báo cảnh báo

Khi các đèn cảnh báo (xem bên dưới) sáng lên hoặc nhấp nháy, máy chiếu sẽ tự động tắt:

- Đèn báo LED "ĐÈN" sáng màu đỏ và nếu đèn báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ.
- Đèn báo LED "NHIỆT ĐỘ" sáng màu đỏ và nếu đèn báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ. Dấu hiệu này cho biết máy chiếu đã quá nóng. Dưới các điều kiện bình thường, máy chiếu có thể được bật trở lại.
- Đèn báo LED "NHIỆT ĐỘ" nhấp nháy màu đỏ và nếu đèn báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ.

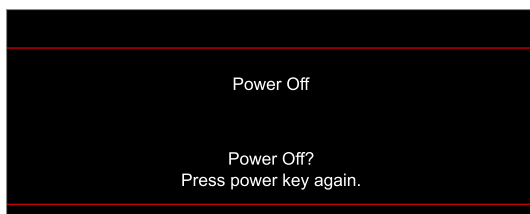
Rút dây nguồn khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, vui lòng liên hệ với trung tâm bảo hành gần nhất để được trợ giúp.

THÔNG TIN BỔ SUNG

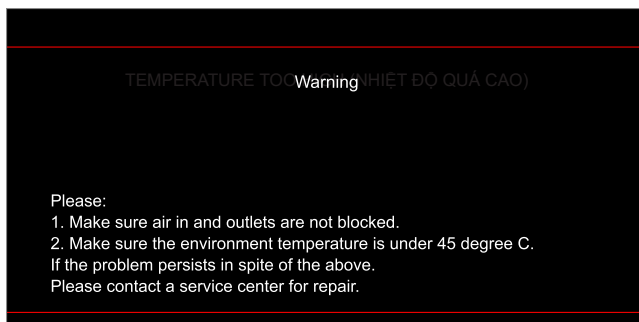
Thông báo sáng đèn LED

Tin nhắn	Đèn LED Bật/Chờ		Đèn LED nhiệt độ	Đèn LED bóng đèn
	(Đỏ)	(Lam)	(Đỏ)	(Đỏ)
Trạng thái chờ (Dây nguồn đầu vào)	Sáng ổn định			
Nguồn bật (Làm nóng)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây)		
Bật nguồn và Ánh sáng đèn		Sáng ổn định		
Nguồn tắt (Làm nguội)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây). Trở về đèn đỏ ổn định khi quạt làm nguội tắt.		
Lỗi (Đèn hồng)	Nhấp nháy			Sáng ổn định
Lỗi (Quạt hồng)	Nhấp nháy		Nhấp nháy	
Lỗi (Quá nhiệt)	Nhấp nháy		Sáng ổn định	
Trạng thái chờ (Chế độ thử nóng)		Nhấp nháy		
Thử nóng (Làm nóng)		Nhấp nháy		
Thử nóng (Làm nguội)		Nhấp nháy		
Ghi vào (Bật đèn)		Nhấp nháy (3 giây bật/1 giây tắt)		
Ghi vào (Tắt đèn)		Nhấp nháy (1 giây bật/3 giây tắt)		

- Tắt nguồn:

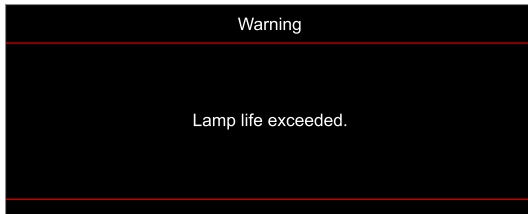


- Cảnh báo nhiệt độ:

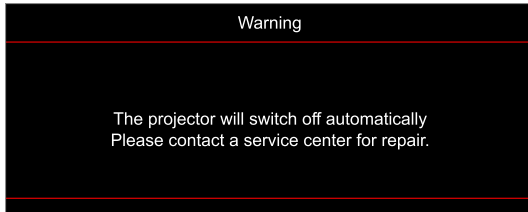


THÔNG TIN BỔ SUNG

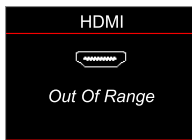
- Cảnh báo bóng đèn:



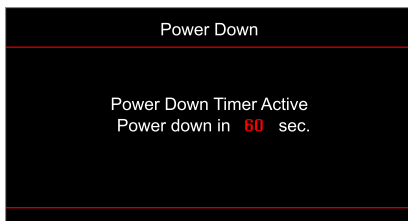
- Quạt hỏng:



- Ngoài phạm vi hiển thị:



- Cảnh báo tắt nguồn:



THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông số kỹ thuật

Quang học	Mô tả
Công nghệ	Texas Instrument DMD, 0,47”(kích cỡ)/ 4K UHD HSSI DMD X1, S451 (loại đóng gói), với bộ dẫn động 4-Way XPR
Độ phân giải đầu ra	4K UHD 3840 x 2160
Độ phân giải đầu vào tối đa	4096 x 2160 @ 60Hz
Ống kính	<ul style="list-style-type: none">• Tỷ lệ lệch tâm chuẩn 1,21~1,59, dung sai $\pm 3\%$• F-stop: 1,94~2,23• Tiêu cự: 12,81~16,74mm• Khoảng thu phóng: 1,3x
Độ lệch	105% ~ 115%, dung sai $\pm 5\%$
Kích cỡ ảnh	34,1” ~ 302,4, được tối ưu rộng 80”
Khoảng cách chiếu	1,2m ~ 8,1m (được tối ưu @2,2m)
Cổng I/O	<ul style="list-style-type: none">• HDMI V2.0 / HDCP2.2 (x2)• Đầu vào VGA• Đầu vào âm thanh 3,5mm• Đầu cắm USB2.0 (Để nâng cấp FW) USB-A cho PWR 5V 1,5A• Âm thanh ra 3,5mm• USB2.0 USB-A cho thiết bị lưu trữ USB và thiết bị kết nối WiFi (x2)• Đầu cắm đực RS-232 (D-sub 9 chân)• RJ-45• Ngõ ra SPDIF (chỉ hỗ trợ PCM stereo 2 kênh)• Đầu cắm 12V (giắc cắm 3,5mm)
Màu sắc	1073,4 triệu màu
Tốc độ quét	<ul style="list-style-type: none">• Tốc độ dò ngang: 31,0~135,0 KHz• Tốc độ dò dọc: 24~120 Hz
Loa	Có, 10W
Tiêu thụ điện năng	<ul style="list-style-type: none">• Tối thiểu:<ul style="list-style-type: none">• 210W (điển hình), 231W (tối đa) @ 110VAC• 200W (điển hình), 220W (tối đa) @ 220VAC• Tối đa:<ul style="list-style-type: none">• 300W (điển hình), 330W (tối đa) @ 110VAC• 290W (điển hình), 320W (tối đa) @ 220VAC
Yêu cầu nguồn điện	100 - 240V $\pm 10\%$, AC 50/60Hz
Dòng điện vào	3,5A
Hướng lắp đặt	Phía trước, phía sau, trần-phía trên, phía sau-phía trên
Kích thước (Rộng x Dày x Cao)	<ul style="list-style-type: none">• Không có chân: 315 x 270 x 115 mm (12,40 x 10,63 x 4,53 inch)• Có chân: 315 x 270 x 118 mm (12,40 x 10,63 x 4,65 inch)
Trọng lượng	< 4,0 kg (8,81 lbs)
Môi trường	Hoạt động với nhiệt độ từ 5~40°C và độ ẩm 10 - 85% (không ngưng tụ)

Lưu ý: Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.




THÔNG TIN BỔ SUNG

Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.


Hoa Kỳ

47697 Westinghouse Drive,
Fremont, CA 94539, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com




Nhật Bản

東京都足立区綾瀬3-25-18
株式会社オーエス
コンタクトセンター:0120-380-495

 info@os-worldwide.com
www.os-worldwide.com




Canada

47697 Westinghouse Drive,
Fremont, CA 94539, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com




Đài Loan

12F., No.213, Sec. 3, Beixin Rd.,
Xindian Dist., New Taipei City 231,
Taiwan, R.O.C.
www.optoma.com.tw

 +886-2-8911-8600
 +886-2-8911-6550
 services@optoma.com.tw
asia.optoma.com



Châu Mỹ Latin

47697 Westinghouse Drive,
Fremont, CA 94539, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com

Hồng Kông

Unit A, 27/F Dragon Centre,
79 Wing Hong Street,
Cheung Sha Wan,
Kowloon, Hong Kong

 +852-2396-8968
 +852-2370-1222
www.optoma.com.hk



Châu Âu

Unit 1, Network 41, Bourne End Mills,
Hemel Hempstead, Herts,
HP1 2UJ, United Kingdom
www.optoma.eu
Điện thoại bảo hành:
+44 (0)1923 691865

 +44 (0) 1923 691 800
 +44 (0) 1923 691 888
 service@tsc-europe.com



Trung Quốc

5F, No. 1205, Kaixuan Rd.,
Changning District
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376
 +86-21-62947375
www.optoma.com.cn




Benelux BV

Randstad 22-123
1316 BW Almere
The Netherlands
www.optoma.nl

 +31 (0) 36 820 0252
 +31 (0) 36 548 9052



Pháp

Bâtiment E
81-83 avenue Edouard Vaillant
92100 Boulogne Billancourt, France

 +33 1 41 46 12 20
 +33 1 41 46 94 35
 savoptoma@optoma.fr




Spain

C/ José Hierro,36 Of. 1C
28522 Rivas VaciaMadrid,
Spain

 +34 91 499 06 06
 +34 91 670 08 32




Đức

Am Nordpark 3
41069 Mönchengladbach
Germany

 +49 (0) 2161 68643 0
 +49 (0) 2161 68643 99
 info@optoma.de

Scandinavia



Lerpeveien 25
3040 Drammen
Norway

 +47 32 98 89 90
 +47 32 98 89 99
 info@optoma.no

PO.BOX 9515
3038 Drammen
Norway

Hàn Quốc

WOOMI TECH.CO.,LTD.
4F, Minu Bldg.33-14, Kangnam-Ku,
Seoul,135-815, KOREA
korea.optoma.com

 +82+2+34430004
 +82+2+34430005

